| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH QUẢNG NGÃI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1863/UBND-NC<br>V/v báo cáo danh sách những người được xác định là công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập | *Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 5 năm 2014* |

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 2798
Ngày: 16/5/14
Chuyển:

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 789/BNV-CCVC ngày 11/3/2014 của Bộ Nội vụ về việc xác định công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo danh sách những người được xác định là công chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo Biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức tính đến thời điểm ngày 31/12/2013 *(có Biểu mẫu kèm theo)*.

Kính báo cáo Bộ Nội vụ theo dõi, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Vụ Công chức viên chức, Bộ Nội vụ;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, NCnvhuy231.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Thích**

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Biểu số 1*

# DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ CÔNG CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2013

*(Kèm theo Công văn số 1862../UBND-NC ngày 15../5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| | **VĂN PHÒNG UBND TỈNH** | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Võ Quốc Hội | 30/4/1960 | | Giám đốc | TT Công báo và Tin học | 01.002 | CV chính | ĐH | CVCC | Cử nhân | Cử nhân | C | X | | |
| | **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Hà Kim Thúy | | 22/5/1962 | Giám đốc | TT Công nghệ thông tin | 14.237 | ĐC viên chính | ĐH | CVC | Cao cấp | B | B | X | | |
| 3 | Nguyễn Đức Trung | 29/02/1972 | | Giám đốc | TT Phát triển quỹ đất | 13.095 | Kỹ sư | Thạc sĩ | CV | Sơ cấp | B | B1 | X | | |
| 4 | Thiều Sinh Hạnh | 26/6/1956 | | Giám đốc | TT Trắc địa và Quan trắc MT | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | A | B | X | | |
| 5 | Nguyễn Khiêm | 01/6/1969 | | Giám đốc | VP Đăng ký QSD đất | 14.234 | Trắc địa BĐ viên | ĐH | CV | | A | B1 | X | | |
| | **SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Đỗ Hữu Dân | 10/10/1954 | | Giám đốc | TT Phát hành phim và CB | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | | | X | | |
| 7 | Lê Văn Quý | 06/01/1957 | | Giám đốc | Trung tâm Văn hóa tỉnh | 17.162 | Họa sĩ | ĐH | CV | Cao cấp | | | X | | |
| 8 | Bùi Văn Sỹ | 10/5/1960 | | Giám đốc | TT Huấn luyện và TĐ TDTT | 18.181 | Huấn luyện viên | ĐH | CV | Cao cấp | | | X | | |
| 9 | Trần Đình Thăng | 07/6/1955 | | Hiệu trưởng | Trường Năng khiếu TDTT | 15.111 | Giảng viên | ĐH | CV | Cao cấp | | | X | | |
| 10 | Trịnh Thanh Tùng | 12/4/1960 | | Giám đốc | Thư viện tổng hợp tỉnh | 17.169 | TVV chính | Thạc sĩ | CVC | Cao cấp | | | X | | |
| 11 | Phan Đình Độ | 17/11/1965 | | Giám đốc | Bảo tàng tổng hợp tỉnh | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | | | X | | |
| 12 | Phạm Thành Công | 20/10/1957 | | Giám đốc | BQL Khu Chứng tích Sơn Mỹ | 17.166 | Bảo tàng viên | ĐH | CV | Cao cấp | | | X | | |
| 13 | Nguyễn Kỳ Chương | 18/01/1959 | | Trưởng đoàn | Đoàn Ca múa nhạc dân tộc | 17.159 | Đạo diễn | ĐH | CV | Trung cấp | | | X | | |
| | **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | Võ Thanh Thoại | 20/01/1966 | | Giám đốc | TT Thông tin và ƯD KHCN | 13.095 | Kỹ sư | ĐH | CV | Cao cấp | VP | | X | | |
| 15 | Trần Ngọc Khải | 01/5/1973 | | Giám đốc | TT Kỹ thuật TCĐLCL | 13.095 | Kỹ sư | ĐH | CVC | Sơ cấp | B | B | X | | |
| | **SỞ Y TẾ** | | | | | | | | | | | | | | |
| 16 | Nguyễn Xuân Mến | 24/6/1966 | | Giám đốc | Bệnh viện ĐK tỉnh | 01.002 | CV chính | Thạc sĩ | CVC | Cử nhân | B | C | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 17 | Nguyễn Thanh Quang Vũ | 20/11/1968 | | Giám đốc | Bệnh viện Tâm thần | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Sơ cấp | B | B | X | | |
| 18 | Nguyễn Bé | 20/6/1966 | | Giám đốc | Bệnh viện Lao & Bệnh phổi | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Cao cấp | B | C | X | | |
| 19 | Hồ Minh Nên | 19/8/1965 | | Giám đốc | TT YT dự phòng tỉnh | 16.117 | Bác sĩ chính | CKII | CV | Cao cấp | A | B | X | | |
| 20 | Bùi Thị Bích Liên | | 12/10/1964 | Giám đốc | TT KNThuốc TP-MP | 16.133 | Dược sĩ chính | CKI | CV | Cao cấp | KTV | C | X | | |
| 21 | Lê Quang Toà | 30/11/1961 | | Giám đốc | Trung tâm Nội tiết | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Cao cấp | A | B | X | | |
| 22 | Trương Quang Giống | 17/01/1958 | | Giám đốc | Trung tâm Mắt | 16.117 | Bác sĩ chính | CKII | CV | Cao cấp | A | B | X | | |
| 23 | Trần Văn Đức | 1/1/1959 | | Giám đốc | TTCS Sức khoẻ sinh sản | 16.118 | Bác sĩ | ĐH | CV | Trung cấp | A | A | X | | |
| 24 | Lê Quang Quỳnh | 1/1/1963 | | Giám đốc | TT Phòng chống HIV/AIDS | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Cao cấp | A | C | X | | |
| 25 | Lê Quang Hải | 22/8/1963 | | Giám đốc | TT Phòng chống Sốt rét | 16a.198 | YT công cộng | Thạc sĩ | CV | Cao cấp | A | B | X | | |
| 26 | Trịnh Quang Vương | 17/6/1959 | | Giám đốc | TT Truyền thông - GDSK | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Trung cấp | A | B | X | | |
| 27 | Trịnh Giao | 20/10/1957 | | Giám đốc | Bệnh viện ĐK Bình Sơn | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Sơ cấp | A | B | X | | |
| 28 | Đặng Tuấn Lộc | 12/9/1960 | | Giám đốc | Bệnh viện ĐK SơnTịnh | 16.118 | Bác sĩ | CKI | CV | Cử nhân | A | B | X | | |
| 29 | Nguyễn Anh | 26/5/1961 | | Giám đốc | Bệnh viện ĐK Thành phố | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Cao cấp | B | B | X | | |
| 30 | Phan Minh Đan | 23/8/1974 | | Giám đốc | Bệnh viện ĐK Tư Nghĩa | 16.118 | Bác sĩ | Thạc sĩ | CV | Sơ cấp | B | B | X | | |
| 31 | Phạm Minh Đức | 19/3/1967 | | Giám đốc | Bệnh viện ĐK Mộ Đức | 16.117 | Bác sĩ chính | Thạc sĩ | CV | Cao cấp | A | C | X | | |
| 32 | Võ Thanh Tân | 22/7/1967 | | Giám đốc | Bệnh viện ĐK Đặng T Trâm | 16.117 | Bác sĩ chính | Thạc sĩ | CV | Cao cấp | B | C | X | | |
| 33 | Phạm Văn Túc | 15/10/1961 | | Giám đốc | Bệnh viện ĐK Nghĩa Hành | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Trung cấp | KTV | C | X | | |
| 34 | Nguyễn Duy Khánh | 3/3/1961 | | Giám đốc | TT YTDP Bình Sơn | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Trung cấp | A | B | X | | |
| 35 | Châu Văn Thanh | 13/10/1965 | | Giám đốc | TT YTDP Sơn Tịnh | 16.118 | Bác sĩ | CKI | CV | Cao cấp | A | A | X | | |
| 36 | Lê Thị Bích Thu | | 3/8/1971 | Giám đốc | TT YTDP Thành phố | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Cao cấp | A | B | X | | |
| 37 | Trần Thị Thu Hương | | 1/12/1962 | Giám đốc | TT YTDP Tư Nghĩa | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Sơ cấp | B | B | X | | |
| 38 | Trần Văn Sơn | 8/6/1961 | | Giám đốc | TT YTDP Mộ Đức | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Cao cấp | A | B | X | | |
| 39 | Tô Tấn Do | 5/7/1967 | | Giám đốc | TT YTDP Đức phổ | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Cao cấp | A | B | X | | |
| 40 | Nguyễn Hữu Thanh | 3/2/1970 | | Giám đốc | TT YTDP Nghĩa Hành | 16.118 | Bác sĩ | ĐH | CV | Sơ cấp | B | B | X | | |
| 41 | Đặng Thị Phượng | | 4/8/1967 | Giám đốc | TT YT Ba Tơ | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CV | Trung cấp | B | B | X | | |
| 42 | Đinh Thị Mai Hương | | 13/01/1974 | Giám đốc | TT YT Minh Long | 16.118 | Bác sĩ | CKI | CV | Trung cấp | A | B | X | | |
| 43 | Đặng Minh Hoàng | 20/6/1969 | | Giám đốc | TT YT Sơn Hà | 16.118 | Bác sĩ | ĐH | CV | Cao cấp | B | B | X | | |
| 44 | Đinh Hồng Nhía | 27/7/1964 | | Giám đốc | TT YT Sơn Tây | 16.118 | Bác sĩ | CKI | CV | Cao cấp | B | B | X | Hre | |
| 45 | Hồ Văn Toàn | 12/11/1970 | | Giám đốc | TT YT Trà Bồng | 16.118 | Bác sĩ | CKI | CV | Cao cấp | A | C | X | | |
| 46 | Châu Nguyễn Thương | 27/9/1964 | | Giám đốc | TT YT Tây Trà | 16.118 | Bác sĩ | CKI | CV | Cao cấp | B | B | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 47 | Mai Hữu Hậu | 10/10/1969 | | Giám đốc | TT YT QDY Lý Sơn | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | CVC | Cao cấp | C | C | X | | |
| | **SỞ TƯ PHÁP** | | | | | | | | | | | | | | |
| 48 | Võ Tấn Lựu | 02/01/1960 | | Giám đốc | TT Dịch vụ bán đấu giá TS | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | B | B | X | | |
| 49 | Nguyễn Thành Long | 05/01/1964 | | Trưởng phòng | Phòng Công chứng số 1 | 01.002 | CV chính | ĐH | CVC | Cao cấp | B | B | X | | |
| 50 | Trần Thị Cẩm Tú | | 17/11/1965 | Giám đốc | TT Trợ giúp pháp lý | 03.290 | Trợ giúp viên | ĐH | CVC | Cao cấp | B | B | X | | |
| | **SỞ CÔNG THƯƠNG** | | | | | | | | | | | | | | |
| 51 | Trần Đình Bảo | 02/4/1954 | | Giám đốc | TT Khuyến công và XTTM | 01.002 | CV chính | ĐH | CVC | Cao cấp | A | B | X | | |
| | **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | | | | | | | | | | | | | | |
| 52 | Nguyễn Khánh Ngọc | 30/8/1969 | | Giám đốc | Quỹ BV và Phát triển rừng | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | B | B | X | | |
| 53 | Đoàn Ngọc Thạch | 10/5/1956 | | Giám đốc | BQL RPHĐN Thạch Nham | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | Sơ cấp | | | | X | | |
| 54 | Nguyễn Tư | 21/12/1959 | | Giám đốc | BQLDA PTNTTH miền Trung | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | B | B | X | | |
| 55 | Đặng Xuân Cảnh | 01/01/1963 | | Giám đốc | BQL dự án Thủy lợi | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | | A | | X | | |
| 56 | Lê Hữu | 03/03/1962 | | Giám đốc | TT Tư vấn NN&PTNT | 01.002 | CV chính | ĐH | CV | Cao cấp | B | B | X | | |
| 57 | Trịnh Văn Kiệt | 20/8/1968 | | Giám đốc | BQL các cảng cá | 13.095 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | A | B | X | | |
| 58 | Ngô Hữu Hạ | 20/8/1962 | | Giám đốc | TT Khuyến nông - KN | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | B | B | X | | |
| 59 | Nguyễn Thị Thúy Hà | | 16/11/1962 | Giám đốc | TT Giống thủy sản | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | VP | B | X | | |
| 60 | Nguyễn Văn Thuộc | 20/3/1956 | | Giám đốc | TT Nước sinh hoạt | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cử nhân | B | B | X | | |
| 61 | Đoàn Văn Nhân | 26/11/1957 | | Giám đốc | TT Giống cây trồng vật nuôi | 01.002 | CV chính | ĐH | CVC | Cử nhân | 112 | A | X | | |
| | **BQL KHU KINH TẾ DUNG QUẤT** | | | | | | | | | | | | | | |
| 62 | Đào Thị Thanh Thủy | | 30/8/1959 | Giám đốc | TT Đào tạo nghề KTC DQ | 01.002 | CV chính | Tiến sĩ | CVC | Cao cấp | | ĐH | X | | |
| 63 | Ngô Hữu Hòa | 07/10/1959 | | Giám đốc | TT Văn hóa - Thể thao | 01.002 | CV chính | ĐH | CV | Cử nhân | B | B | X | | |
| 64 | Trần Ngọc Hưng | 20/5/1955 | | Giám đốc | TT Hỗ trợ KT NLN DQ | 01.002 | CV chính | ĐH | CVC | Cao cấp | B | B | X | | |
| 65 | Nông Viết Chung | 15/12/1967 | | Giám đốc | BQL Rừng PHMTCQ DQ | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | B | B | X | Tày | |
| 66 | Nguyễn Súy | 10/10/1954 | | Giám đốc | TT Phát triển quỹ đất | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | A | | X | | |
| 67 | Phạm Tân | 20/3/1959 | | Giám đốc | BQL PT ĐT Vạn Tường | 01.002 | CV chính | ĐH | CVC | Cao cấp | A | A | X | | |
| | **SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | | | | | | | | | | | | | | |
| 68 | Trần Bá Nam | 21/02/1955 | | Giám đốc | Trung tâm Xúc tiến đầu tư | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Trung cấp | B | B | X | | |
| | **SỞ XÂY DỰNG** | | | | | | | | | | | | | | |
| 69 | Từ Văn Tám | 20/6/1970 | | Giám đốc | TT QH&KĐ chất lượng | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | KTV | B | X | | |
| | **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 70 | Nguyễn Ngọc Trân | 01/04/1981 | | Giám đốc | Trung tâm CN TT&TT | 01.003 | Chuyên viên | Thạc sĩ | CV | Sơ cấp | ĐH | Toefl 493 | X | | |
| | **SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | | | | | | | | | | | | | | |
| 71 | Bùi Đức Thọ | 12/12/1972 | | Giám đốc | Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh | 01.003 | Chuyên viên | Thạc sĩ | CVC | Cao cấp | Thạc sĩ | ĐH | X | | |
| 72 | Trịnh Minh Đức | 20/04/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TCN Quảng Ngãi | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cử nhân | VP | B | X | | |
| 73 | Huỳnh Thanh Trà | 28/5/1959 | | Hiệu trưởng | Trường TCN Đức Phổ | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | CVC | Trung cấp | B | ĐH | X | | |
| 74 | Võ Duy Yên | 15/11/1966 | | Giám đốc | Trung tâm GTVL Quảng Ngãi | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | B | B | X | | |
| 75 | Cao Thị Tuyết Sa | | 12/11/1962 | Giám đốc | Trung tâm BTXH Quảng Ngãi | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | | B | B | X | | |
| 76 | Nguyễn Thu Trang | 25/12/1964 | | Giám đốc | Trung tâm Giáo dục-LĐXH | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | VP | B | X | | |
| 77 | Ngô Thị Hóa | | 20/11/1963 | Giám đốc | TT Điều dưỡng - NCC | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Trung cấp | VP | B | X | | |
| | **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | | | | | | | | | | | | | | |
| 78 | Hồ Tấn Sỹ | 15/9/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Bình Sơn | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | B | B | X | | |
| 79 | Nguyễn Văn Thanh | 10/7/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Vạn Tường | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | A | A | X | | |
| 80 | Ngô Quang Vinh | 05/7/1962 | | Hiệu trưởng | T. THPT Trần Kỳ Phong | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | B | ĐH | X | | |
| 81 | Trịnh Phú Hạnh | 02/6/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Lê Quý Đôn | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | A | B | X | | |
| 82 | Nguyễn Tấn Cảnh | 10/3/1956 | | Hiệu trưởng | Trường THPT số 1 Sơn Tịnh | 15.112 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | C | X | | |
| 83 | Nguyễn Hồng Danh | 20/01/1962 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Ba Gia | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 84 | Nguyễn Địch | 12/4/1962 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Sơn Mỹ | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Sơ cấp | A | B | X | | |
| 85 | Bạch Ngọc Lâm | 30/9/1956 | | Hiệu trưởng | T.THPT Huỳnh Thúc Kháng | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | | CĐ | X | | |
| 86 | Nguyễn Thái Quảng | 04/11/1962 | | Hiệu trưởng | T.THPT Trần Quốc Tuấn | 15.112 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | C | X | | |
| 87 | Trần Đình Vợi | 09/5/1956 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Lê Khiết | 15.112 | GV TH cao cấp | Thsy | | Cao cấp | B | B | X | | |
| 88 | Huỳnh Dân | 02/02/1954 | | Hiệu trưởng | T.THPT Lê Trung Đình | 15.112 | GV TH cao cấp | ĐH | | Cử nhân | A | C | X | | |
| 89 | Nguyễn Tấn Nông | 25/01/1958 | | Hiệu trưởng | T. THPT số 1 Nghĩa Hành | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | A | A | X | | |
| 90 | Lê Văn Bảo | 20/3/1962 | | Hiệu trưởng | T. THPT số 2 Nghĩa Hành | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Trung cấp | B | C | X | | |
| 91 | Nguyễn Thị Kim Mai | | 27/9/1966 | Hiệu trưởng | T.THPT Nguyễn Công Phương | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 92 | Trương Quang Dũng | 02/12/1962 | | Hiệu trưởng | Trường THPT số 1 Tư Nghĩa | 15.112 | GV TH cao cấp | ĐH | | Cao cấp | | B | X | | |
| 93 | Phạm Văn Liên | 28/02/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THPT số 2 Tư Nghĩa | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | B | ĐH | X | | |
| 94 | Bùi Quốc Dũng | 05/4/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Thu Xà | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | A | | X | | |
| 95 | Nguyễn Nam Bình | 24/7/1955 | | Hiệu trưởng | T. THPT Phạm Văn Đồng | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 96 | Ngô Anh Hải | 29/5/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THPT số 2 Mộ Đức | 15.112 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | ĐH | X | | |
| 97 | Nguyễn Văn Bốn | 14/02/1963 | | Hiệu trưởng | T.THPT Nguyễn Công Trứ | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 98 | Nguyễn Bân | 20/4/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THPT số 1 Đức Phổ | 15.112 | GV TH cao cấp | ĐH | | Cao cấp | | ĐH | X | | |
| 99 | Trần Quang Thanh | 20/5/1962 | | Hiệu trưởng | Trường THPT số 2 Đức Phổ | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Trung cấp | VP | | X | | |
| 100 | Phan Trọng Mạnh | 30/8/1956 | | Hiệu trưởng | T. THPT Lương Thế Vinh | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Sơ cấp | ĐH | | X | | |
| 101 | Ngô Đình Mẫn | 21/10/1971 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Lý Sơn | 15.113 | GV THPT | Th.sỹ | | Cao cấp | B | | X | | |
| 102 | Nguyễn Thanh Cảnh | 02/12/1962 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Ba Tơ | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 103 | Nguyễn Hải Thịnh | 12/6/1964 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Sơn Hà | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | B | | X | | |
| 104 | Bùi Thế Giới | 25/02/1976 | | Hiệu trưởng | T.THPT Đinh Tiên Hoàng | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Sơ cấp | B | ĐH | X | | |
| 105 | Trương Văn Nhơn | 04/4/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Minh Long | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Trung cấp | | ĐH | X | | |
| 106 | Nguyễn Công Hòa | 02/9/1971 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Tây Trà | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | A | ĐH | X | | |
| 107 | Nguyễn Thị Thành | | 11/5/1974 | Hiệu trưởng | Trường THPT Phạm Kiệt | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Sơ cấp | A | B | X | | |
| 108 | Đinh Thị Phương | | 19/6/1970 | Hiệu trưởng | T. THCS&THPT Phạm Kiệt | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | B | | X | | |
| 109 | Lưu Thanh Hải | 20/10/1978 | | Hiệu trưởng | Trường THPT Quang Trung | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Trung cấp | B | ĐH | X | | |
| 110 | Nguyễn Thị Tuấn Hằng | | 10/12/1959 | Giám đốc | Trung tâm DN GDTX Tỉnh | 15.112 | GV TH cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | | | X | | |
| 111 | Trần Đức Công | 16/4/1963 | | Giám đốc | TT DNGDTXHN Minh Long | 15.113 | GV Tr.học | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 112 | Phạm Tấn Cảnh | 08/02/1965 | | Giám đốc | TT DN GDTX HN Ba Tơ | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | B | B | X | | |
| 113 | Trần Thanh Kỳ | 02/10/1957 | | Giám đốc | TT GDTX-HN Trà Bồng | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 114 | Nguyễn Văn Hiến | 12/12/1976 | | Giám đốc | TT DNGDTX HN Sơn Tây | 15a.201 | GV THCS chính | CĐ | | Sơ cấp | | | X | | |
| 115 | Nguyễn Tiến Bỏ | 22/8/1962 | | Giám đốc | TT DN GDTXHN Tây Trà | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Cao cấp | A | | X | | |
| 116 | Trần Ngọc Bích | 02/6/1964 | | Giám đốc | TT DN GDTXHN Lý Sơn | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Sơ cấp | | | X | | |
| 117 | Võ Hoàng | 12/02/1956 | | Giám đốc | TT DNGDTXHN Bình Sơn | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 118 | Đặng Văn Giữ | 01/01/1964 | | Giám đốc | TT DN GDTXHN Sơn Tịnh | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | VP | B | X | | |
| 119 | Nguyễn Thị Thu | | 20/02/1960 | Giám đốc | TT DN GDTXHN Tư Nghĩa | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | A | C | X | | |
| 120 | Lê Viết Cự | 04/5/1955 | | Giám đốc | TT DNGDTXHN Nghĩa Hành | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 121 | Nguyễn Tấn Giỏi | 14/6/1961 | | Giám đốc | TT DN GDTX HN Mộ Đức | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Sơ cấp | A | B | X | | |
| 122 | Phạm Quang Lưu | 24/4/1954 | | Hiệu trưởng | Trường THPT DTNT tỉnh | 15.112 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | VP | B | X | | |
| 123 | Lê Ngọc Đức | 20/8/1966 | | Hiệu trưởng | T. THCS DTNT Minh Long | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | B | | X | | |
| 124 | Bùi Thị Tâm | | 01/01/1964 | Hiệu trưởng | T. THCS DTNT Ba Tơ | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Cao cấp | B | B | X | | |
| 125 | Đinh Cơi | 14/3/1957 | | Hiệu trưởng | T. THCS DTNT Sơn Hà | 15.113 | GV THPT | ĐH | | Cao cấp | A | A | X | H're | |
| 126 | Lê Trung | 01/01/1965 | | Hiệu trưởng | T. THCS DTNT Trà Bồng | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 127 | Nguyễn Minh Hoàng | 25/12/1976 | | Hiệu trưởng | T. THCS DTNT Sơn Tây | 15a.201 | GV THCS chính | CĐ | | Trung cấp | A | A | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 128 | Nguyễn Văn Điệu | 06/8/1968 | | Hiệu trưởng | T. THCS DTNT Tây Trà | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | Sơ cấp | B | | X | | |
| 129 | Lê Trung Tiên | 05/8/1954 | | Hiệu trưởng | Trường GD Trẻ khuyết tật | 15.112 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | C | X | | |
| | **ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH TỈNH** | | | | | | | | | | | | | | |
| 130 | Trương Quang Tấn | 10/11/1958 | | Giám đốc | Đài Phát thanh truyền hình | 17.144 | Phóng viên | ĐH | CVC | Cao cấp | B | B | X | | |
| | **QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH** | | | | | | | | | | | | | | |
| 131 | Nguyễn Huyền Vũ | 01/01/1962 | | Giám đốc | Quỹ Phát triển đất tỉnh | 01.002 | CV chính | ĐH | CVC | Cử nhân | B | C | X | | |
| | **TRƯỜNG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG** | | | | | | | | | | | | | | |
| 132 | Phạm Đăng Phước | 05/01/1959 | | Hiệu trưởng | Trường ĐH Phạm Văn Đồng | 15.110 | Giảng viên chính | Tiến sĩ KH | | Cao cấp | | C | X | | |
| | **TRƯỜNG CĐ Y TẾ ĐẶNG THÙY TRÂM** | | | | | | | | | | | | | | |
| 133 | Nguyễn Quốc Hưng | 15/8/1956 | | Hiệu trưởng | Trường CĐ Y tế ĐTT | 16.117 | Bác sĩ chính | CKI | | Cao cấp | A | C | X | | |
| | **UBND HUYỆN SƠN TỊNH** | | | | | | | | | | | | | | |
| 134 | Vương Đình Việt | 10/02/1954 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh An | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 135 | Hoàng Thị Hoài Phong | | 10/10/1959 | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh Ấn Tây | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 136 | Lâm Quang Trung | 20/12/1955 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh Bắc | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 137 | Phạm Thái Bình | 19/04/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh Bình | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 138 | Nguyễn Duy Lam | 20/06/1976 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh Đông | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 139 | Võ Duy Nghĩa | 29/10/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh Giang | 15C.207 | GV THCS (CĐ) | CĐ | | Trung cấp | | A | X | | |
| 140 | Nguyễn Đức Một | 08/08/1958 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh Hiệp | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 141 | Đinh Tấn Giác | 05/05/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh Kỳ | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 142 | Lư Tấn Trường | 1/10/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Lê Trung Đình | 15C.207 | GV THCS (CĐ) | CĐ | | Trung cấp | | A | X | | |
| 143 | Lê Thê | 25/11/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nguyễn Chánh | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 144 | Võ Đức Tánh | 2/4/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nguyễn Cát | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 145 | Lê Tấn Thông | 25/01/1954 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phạm Kiệt | 15C.207 | GV THCS (CĐ) | CĐ | | Sơ cấp | | | X | | |
| 146 | Nguyễn Duy Chánh | 23/02/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh Phong | 15C.207 | GV THCS (CĐ) | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |
| 147 | Kiều Hữu Điền | 02/11/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh Sơn | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 148 | Đỗ Duy Bút | 25/10/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Trần Văn Trà | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | | A | X | | |
| 149 | Nguyễn Trung Châu | 22/12/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh Thiện | 15C.207 | GV THCS (CĐ) | ĐH | | Sơ cấp | | A | X | | |
| 150 | Cao Đình Dzai | 20/01/1956 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Trần Quý Hai | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | | A | X | | |
| 151 | Phạm Bộ | 24/8/1954 | | Hiệu trưởng | T.THCS Trương Quang Trọng | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | | A | X | | |
| 152 | Đỗ Đình Thuận | 09/02/1954 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Tịnh Trà | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | | A | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 153 | Phạm Thám | 3/9/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Võ Bẩm | 15.113 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 154 | Bùi Kỳ Tâm | 20/8/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Giang | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | | | X | | |
| 155 | Huỳnh Thị Trinh | | 18/10/1961 | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Đông | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | | A | X | | |
| 156 | Lê Lai | 18/6/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Minh | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 157 | Nguyễn Hữu Phúc | 22/2/1961 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Bắc | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 158 | Kiều Hữu Bản | 29/04/1960 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Hiệp | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | | A | X | | |
| 159 | Lê Văn Trí | 21/12/1975 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Trà | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | A | X | | |
| 160 | Hà Quang | 12/8/1958 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Tịnh Bình | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 161 | Nguyễn Ngọc Trang | 3/2/1962 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Tịnh Bình | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | | A | X | | |
| 162 | Bùi Đức Đôn | 23/10/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Tịnh Hà | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | | A | X | | |
| 163 | Đỗ Thị.Thảo | | 10/10/1974 | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Tịnh Hà | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 164 | Nguyễn Hảo | 10/10/1960 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Tịnh Thọ | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 165 | Đặng Sơn Kết | 3/12/1958 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Tịnh Thọ | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | | A | X | | |
| 166 | Nguyễn Xi | 20/4/1960 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Tịnh Phong | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 167 | Trần Đình Khải | 15/11/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Tịnh Phong | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 168 | Bùi Văn Khôi | 20/3/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Ấn Tây | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | | A | X | | |
| 169 | Lê Thị Kim Phúc | | 11/5/1962 | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 TT Sơn Tịnh | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 170 | Đặng Tấn Xuyên | 10/12/1958 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 TT Sơn Tịnh | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | B | A | X | | |
| 171 | Nguyễn Thị Thu Hương | | 12/10/1967 | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Ấn Đông | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 172 | Đặng Tấn Hơn | 7/10/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh An | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | B | A | X | | |
| 173 | Đặng Thị Hương | | 20/7/1958 | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Châu | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | | A | X | | |
| 174 | Phạm Dung | 6/10/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Long | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | | A | X | | |
| 175 | Bùi Đức Minh | 26/2/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Thiện | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | | | X | | |
| 176 | Trần Anh Trung | 22/9/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Tịnh Khê | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 177 | Đoàn Hùng Cường | 10/02/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Tịnh Khê | 15.115 | GV mầm non | TC | | Trung cấp | | A | X | | |
| 178 | Đỗ Thành Nhân | 31/10/1967 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tịnh Kỳ | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | | A | X | | |
| 179 | Nguyễn Đình Hưng | 14/3/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Tịnh Hòa | 15.115 | GV mầm non | TC | | Sơ cấp | | A | X | | |
| 180 | Phan Nhật | 15/5/1959 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Tịnh Hòa | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |
| 181 | Vũ Thị Kim Ngân | | 22/9/1975 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Kỳ | 15a.206 | GVMN chính | CĐ | | Trung cấp | | A | X | | |
| 182 | Nguyễn Thị Trúc | | 9/6/1968 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Bình | 15a.205 | GVMN Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 183 | Đỗ Thị Vân | | 4/10/1976 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Đông | 15a.205 | GVMN Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 184 | Trần Thị Lan Phượng | | 31/5/1969 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Hà | 15a.205 | GVMN Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 185 | Phạm Thị Thu Sương | | 1/1/1976 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Long | 15a.205 | GVMN Cao cấp | ĐH | | | | | | | |
| 186 | Lê Thị Kim Cúc | | 26/7/1978 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Sơn | 15a.205 | GVMN Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | A | X | | |
| 187 | Huỳnh Thị Mỹ | | 17/9/1965 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Ấn Tây | 15a.205 | GVMN Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 188 | Phạm Thị Hồng Thắm | | 1/12/1962 | Hiệu trưởng | Trường MN TT Sơn Tịnh | 15a.205 | GVMN Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | A | X | | |
| 189 | Đỗ Thị Tại | | 8/10/1961 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh An | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 190 | Huỳnh Thị Hoa | | 9/1/1964 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Bắc | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 191 | Phùng Thị Hà | | 2/2/1960 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Châu | 15.115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | | | X | | |
| 192 | Phùng Thị Lan | | 12/10/1960 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Ấn Đông | 15.115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | | | X | | |
| 193 | Nguyễn Thị Kim Loan | | 19/4/1959 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Giang | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | | | | | |
| 194 | Võ Thị Được | | 18/10/1963 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Hiệp | 15.115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | | A | X | | |
| 195 | Phạm Thị Liên | | 10/10/1964 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Hòa | 15.115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 196 | Đoàn Thị Xuân Mỹ | | 30/3/1963 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Khê | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | | B | X | | |
| 197 | Lê Thị Lựu | | 9/10/1969 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Minh | 15.115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | | A | X | | |
| 198 | Lê Thị Nguyệt Nga | | 3/5/1964 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Phong | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | B | A | X | | |
| 199 | Đào Thị Kim Ba | | 7/5/1965 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Thiện | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | B | A | X | | |
| 200 | Nguyễn Thị Lãnh | | 20/9/1967 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Thọ | 15.115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 201 | Lâm Thị Hảo | | 25/1/1962 | Hiệu trưởng | Trường MN Tịnh Trà | 15.115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | | A | | | |
| 202 | Đỗ Tiến Hành | 25/10/1962 | | Trưởng trạm | Trạm Khuyến nông | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | Cao cấp | A | | X | | |
| 203 | Võ Đình Thân | 20/3/1955 | | Trưởng đài | Đài Truyền thanh | 13.096 | Cán sự | TC | | Trung cấp | | | X | | |
| 204 | Nguyễn Thị Thanh | | 02/12/1959 | Giám đốc | Văn phòng ĐK QSD đất | 01.004 | Cán sự | TC | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 205 | Tôn Thị Bích Khuê | | 26/12/1967 | Giám đốc | TT Văn hóa TT-TT | 17.177 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | A | B | X | | |
| 206 | Trương Công Hòa | 09/9/1976 | | Giám đốc | TT Phát triển Quỹ đất | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | TC | B | X | | |
| | **UBND HUYỆN MỘ ĐỨC** | | | | | | | | | | | | | | |
| 207 | Nguyễn Trước | 22/8/1957 | | Giám đốc | TT Văn hóa TT-TDTT | 01.003 | Chuyên viên | | | Cao cấp | A | A | X | | |
| 208 | Nguyễn Tấn Vĩ | 10/4/1966 | | Giám đốc | TT Khuyến nông | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | A | B | X | | |
| 209 | Nguyễn Xuân Quang | 20/4/1957 | | Giám đốc | TT Phát triển quỹ đất | 01.002 | CV chính | ĐH | CVC | Cao cấp | A | B | X | | |
| 210 | Ngô Công Lực | 04/4/1969 | | Trưởng đài | Đài Truyền thanh | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | A | B | X | | |
| 211 | Trà Xuân Châu | 15/01/1954 | | Giám đốc | BQL Dự án ĐT&XD | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 212 | Nguyễn Luôn | 08/5/1975 | | Giám đốc | VP Đăng ký QSD đất | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | | A | B | X | | |
| 213 | Đoàn Ngọc Hùng | 20/12/1966 | | Hạt trưởng | Hạt sửa chữa đường bộ | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Trung cấp | B | B | X | | |
| 214 | Nguyễn Tấn Minh | 12/03/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Đức Hiệp | 15113 | GV Trung học | ĐH | | Sơ cấp | A | B | X | | |
| 215 | Trần Công Châu | 10/03/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Đức Phong | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | B | A | X | | |
| 216 | Nguyễn Sáng | 05/05/1958 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Đức Tân | 15a.202 | GV THCS chính | CĐ | | Trung cấp | A | | X | | |
| 217 | Nguyễn Văn Dũng | 01/01/1967 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Đức Thạnh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 218 | Nguyễn Ngọc Tài | 20/10/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nam Đàn | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 219 | Huỳnh Bá | 20/04/1962 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nguyễn Trãi | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 220 | Bùi Thiên Cường | 04/08/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Đức Phú | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 221 | Ngô Bang | 27/08/1955 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nguyễn Bá Loan | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 222 | Trần Đức Thắng | 02/03/1955 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Đức Hòa | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 223 | Trần Thế Phương | 10/06/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Đức lợi | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | B | A | X | | |
| 224 | Trần Văn Tôn | 10/08/1954 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Đức Thắng | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 225 | Phạm Kim Tiên | 12/02/1966 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Đức Lân | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 226 | Huỳnh Ngọc Phương | 15/02/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Đức Minh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 227 | Võ Văn Dung | 03/03/1966 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bắc Phong | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | B | A | X | | |
| 228 | Trịnh Minh Tường | 03/12/1958 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Đức Chánh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 229 | Nguyễn Thị Bích Tuận | | 02/03/1963 | Hiệu trưởng | Trường MN Đức Chánh | 15a.115 | GV Mầm non | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 230 | Nguyễn Thị Diệu Linh | | 10/08/1959 | Hiệu trưởng | Trường MN Đức Hiệp | 15a205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | A | A | | | |
| 231 | Bùi Thị Kim Dung | | 02/05/1961 | Hiệu trưởng | Trường MNĐức Nhuận | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 232 | Trương Thị Dưỡng | | 16/03/1966 | Hiệu trưởng | Trường MN Đức Phong | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 233 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | | 21/02/1961 | Hiệu trưởng | Trường MN Đức Phú | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 234 | Huỳnh Thị Mỹ Viên | | 03/12/1976 | Hiệu trưởng | Trường MN Đức Thắng | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | | X | | |
| 235 | Vũ Thị Như Nguyệt | | 17/05/1960 | Hiệu trưởng | Trường MN Đức Tân | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | Sơ cấp | | | | | |
| 236 | Huỳnh Thị Thịnh | | 25/10/1968 | Hiệu trưởng | Trường MN Đức Lợi | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | | X | | |
| 237 | Ngô Thị Tám | | 20/11/1965 | Hiệu trưởng | Trường MN Đức Hòa | 15a.201 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 238 | Trần Thị Muộn | | 01/11/1966 | Hiệu trưởng | Trường MNTT Mộ Đức | 15a205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 239 | Trương Thị Thu Vân | | 01/12/1972 | Hiệu trưởng | Trường MN Đức Lân | 15a.205 | GV Mầm non | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 240 | Phan Thị Nồng | | 10/10/1978 | Hiệu trưởng | Trường MN Đức Thạnh | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 241 | Nguyễn Thị Thu Thủy | | 20/03/1965 | Hiệu trưởng | Trường MN Đức Minh | 15115 | GV Mầm non | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 242 | Lê Văn Kiều | 28/01/1956 | | Hiệu trưởng | Trường Th Thạch Trụ | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | A | B | X | | |
| 243 | Nguyễn Luân | 25/06/1963 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tú Sơn | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 244 | Trần Quang Ngọc | 24/03/1955 | | Hiệu trưởng | Trường TH Thạch Thang | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 245 | Vũ Trọng Hà | 15/05/1955 | | Hiệu trưởng | Trường TH Đức Minh | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 246 | Nguyễn Văn Khôi | 20/07/1958 | | Hiệu trưởng | Trường TH Bồ Đề | 15a.203 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 247 | Lê Vĩnh Thái | 25/12/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Đức Hiệp | 15a204 | GV Tiểu học | CĐ | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 248 | Trần Biên | 01/12/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Đức Phú | 15a.203 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 249 | Nguyễn Vinh Quang | 20/06/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Đức Tân | 15a204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 250 | Trần Văn Đức | 01/01/1975 | | Hiệu trưởng | Trường TH Đức Thắng | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | | | X | | |
| 251 | Trần Thị Thuý Hồng | | 23/08/1964 | Hiệu trưởng | Tiểu học Kiến Khương | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | sơ cấp | A | | X | | |
| 252 | Trần Đức Minh | 20/10/1955 | | Hiệu trưởng | Trường TH Bắc Hòa | 15a.203 | GVTH cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | | | X | | |
| 253 | Nguyễn Văn Khanh | 10/02/1955 | | Hiệu trưởng | Trường TH Năng An | 15a203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 254 | Nguyễn Thị Kim Dung | | 20/11/1966 | Hiệu trưởng | Trường TH Đức Phong | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | A | B | X | | |
| 255 | Trần Tám | 05/03/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Đức Thạnh | 15a.203 | GV TH chính | CĐ | | | | | X | | |
| 256 | Võ Mỹ | 20/08/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Bắc Phong | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 257 | Lê Quang Minh | 30/12/1955 | | Hiệu trưởng | Trường TH Mỏ Cày | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 258 | Huỳnh Đương | 31/12/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH TT Mộ Đức | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 259 | Nguyễn Biên | 16/06/1958 | | Hiệu trưởng | Trường TH Đức Lợi | 15a.203 | GV TH chính | ĐH | | Sơ cấp | B | A | X | | |
| 260 | Phạm Ngọc Công | 24/07/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Văn Bân | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | A | B | X | | |
| 261 | Đặng Kỳ | 01/01/1962 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nam Hòa | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| | **UBND HUYỆN BÌNH SƠN** | | | | | | | | | | | | | | |
| 262 | Nguyễn Hường | 04/10/1955 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình An | 15a201 | Giáo viên THCS | ĐH | | | | | X | | |
| 263 | Võ Đình Thu | 30/8/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Thạnh | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 264 | Nguyễn Hoà | 10/3/1964 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Châu | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 265 | Lê Văn Huy | 01/01/1969 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Chương | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 266 | Đinh Sơn | 10/10/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Đông | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | | | | X | | |
| 267 | Nguyễn Kiều | 12/10/1966 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Hải | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 268 | Nguyễn Hiệp | 12/12/1956 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Hiệp | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | | A | X | | |
| 269 | Nguyễn Minh Hoàng | 08/4/1962 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Hoà | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 270 | Hà Văn Sâm | 20/7/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Khương | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 271 | Trịnh Văn Diện | 01/01/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Long | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | | | | X | | |
| 272 | Lê Thị Minh Hà | | 12/8/1960 | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Minh | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | | | | X | | |
| 273 | Nguyễn Tình | 05/06/1965 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Mỹ | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 274 | Lê Văn Sang | 13/04/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Chánh | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 275 | Trần Như Mỹ | 12/10/1959 | | Hiệu trưởng | T. THCS Bình Nguyên số 2 | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | A | X | | |
| 276 | Huỳnh Công Trọng | 02/02/1956 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Phước | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 277 | Huỳnh Tấn Lâm | 19/10/1964 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Tân | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | B | | X | | |
| 278 | Ao Văn Hạnh | 02/03/1966 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Thanh | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 279 | Đoàn Như Phong | 10/04/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Thuận | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | | | | X | | |
| 280 | Nguyễn văn Ân | 06/04/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Trị | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 281 | Huỳnh Kim Liên | 03/01/1958 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Bình Dương | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 282 | Đỗ Ngọc Minh | 12/05/1954 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Thị trấn Châu Ổ | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 283 | Nguyễn Ánh Tuấn | 10/10/1974 | | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình An | 15a204 | GV TH chính | ĐH | | Trung cấp | | | x | | |
| 284 | Tô Văn Duân | 24/10/1961 | | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Đông | 15a204 | GV TH chính | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 285 | Võ Thị Bắc | | 29/04/1961 | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Dương | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 286 | Đoàn Nhân Hoà | 15/02/1957 | | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Hiệp | 15114 | GV tiểu học | ĐH | | | | | X | | |
| 287 | Lê Hiếu Thu | 20/04/1970 | | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Hoà | 15a202 | Giáo viên THCS | CĐ | | Trung cấp | B | | X | | |
| 288 | Nguyễn Thị Minh Hương | | 20/06/1961 | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Khương | 15a203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | A | | X | | |
| 289 | Nguyễn Thị Mỹ Hậu | | 20/06/1963 | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Long | 15a203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 290 | Phan Văn Cừ | 02/06/1975 | | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Phú | 15a204 | GV TH chính | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 291 | Trần Văn Thành | 25/12/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Bình Trung | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | A | X | | |
| 292 | Nguyễn xuân Tâm | 25/02/1969 | | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Tân | 15a203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |
| 293 | Nguyễn Mạnh | 30/12/1955 | | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình T.Đông | 15114 | GV tiểu học | CĐ | | | | | X | | |
| 294 | Trần Kim Tùng | 15/10/1967 | | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Phước | 15a202 | Giáo viên THCS | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |
| 295 | Dương Bán | 20/12/1956 | | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Thới | 15a202 | Giáo viên THCS | CĐ | | | | | X | | |
| 296 | Nguyễn Nhị | 20/04/1955 | | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Thuận | 15a202 | Giáo viên THCS | CĐ | | | A | | X | | |
| 297 | Trương Thị Hằng | | 12/09/1976 | Hiệu trưởng | Trường tiểu học Bình Trị | 15a204 | GV TH chính | ĐH | | Trung cấp | | B | X | | |
| 298 | Đoàn Thị Trà | | 28/09/1962 | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 Bình Chánh | 15a204 | GV TH chính | ĐH | | | A | | X | | |
| 299 | Trần Tuấn | 04/03/1967 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 Bình Châu | 15a204 | GV TH chính | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 300 | Huỳnh Tấn Hồng | 05/03/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Bình Chương | 15a203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | | | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 301 | Nguyễn Tấn Nam | 16/04/1974 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Bình Hải | 15a203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 302 | Nguyễn Tấn Vũ | 01/01/1966 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Bình Minh | 15a204 | GV TH chính | ĐH | | | A | | X | | |
| 303 | Võ Văn Thành | 02/03/1962 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Bình Mỹ | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | B | | X | | |
| 304 | Bạch Phương Bình | 30/07/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Bình T.Tây | 15a202 | Giáo viên THCS | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |
| 305 | Hồ Ly | 10/10/1965 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 1 Bình Thạnh | 15a203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | | | X | | |
| 306 | Châu Thị Kim Vân | | 06/08/1966 | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Bình Chương | 15a204 | GV TH chính | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 307 | Nguyễn Xuân Trà | 19/05/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Bình Chánh | 15114 | GV Tiểu học | TC | | Trung cấp | | | X | | |
| 308 | Phạm Tấn Phú | 02/04/1958 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Bình Châu | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | | A | | X | | |
| 309 | Lê Trung | 06/05/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Bình Minh | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | | | | X | | |
| 310 | Võ Phú Sơn | 10/03/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Bình Mỹ | 15a202 | Giáo viên THCS | ĐH | | | | | X | | |
| 311 | Phạm Thị Hồng Vân | | 11/03/1967 | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Bình Nguyên | 15a204 | GV TH chính | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 312 | Bùi Đức Tiến | 10/04/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Bình Thạnh | 15114 | GV Tiểu học | TC | | | | | X | | |
| 313 | Trịnh Thị Liên | | 03/04/1969 | Hiệu trưởng | Trường TH Số 2 Bình Trung | 15a203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 314 | Đỗ Đăng Việt | 20/06/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Thị trấn Châu ổ | 15a202 | Giáo viên THCS | CĐ | | | | | X | | |
| 315 | Dương Thị Kim Liên | | 23/03/1972 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non 24-3 | 15a205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |
| 316 | Nguyễn Thị Vấn | | 10/10/1975 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Sao Mai | 15a205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | | | X | | |
| 317 | Đỗ Thị Nhu | | 18/09/1967 | Hiệu trưởng | Trường MG B.Thanh Đông | 15115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 318 | Phạm Thị Kim Chi | | 01/01/1978 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Trị | 15115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 319 | Nguyễn Thị Hoa Phượng | | 29/06/1973 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình An | 15a205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 320 | Võ Thị Thuý | | 20/06/1966 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Châu | 15115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 321 | Ngô Thị Xuân Yến | | 30/06/1960 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Chương | 15115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 322 | Võ Thị Lan | | 26/10/1963 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Đông | 15115 | GV Mầm non | ĐH | | | B | | X | | |
| 323 | Nguyễn Thị Hiệp | | 24/12/1975 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Dương | 15a205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | | | X | | |
| 324 | Nguyễn Thị Thơm | | 14/06/1968 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Hải | 15115 | GV Mầm non | CĐ | | | | | X | | |
| 325 | Phạm Thị Kim Ngân | | 25/09/1965 | Hiệu trưởng | TrườngMG Bình Hiệp | 15115 | GV Mầm non | CĐ | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 326 | Nguyễn Thị Thuỷ | | 10/10/1965 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Hoà | 15115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 327 | Ngô Ái Phước | | 02/11/1967 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Khương | 15a205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |
| 328 | Nguyễn Thị Vỹ Anh | | 20/10/1980 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non 18-3 | 15115 | GV Mầm non | CĐ | | | | | X | | |
| 329 | Dương Thị Oanh | | 22/02/1967 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Minh | 15115 | GV Mầm non | TC | | | A | | X | | |
| 330 | Nguyễn Thị Kim Dung | | 20/09/1959 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Mỹ | 15115 | GV Mầm non | CĐ | | | A | | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 331 | Phạm Thị Học | | 10/10/1960 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Nguyên | 15115 | GV Mầm non | TC | | | B | | X | | |
| 332 | Võ Thị Hương | | 16/07/1967 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Phú | 15115 | GV Mầm non | ĐH | | | A | | X | | |
| 333 | Nguyễn Thị Thọ | | 17/12/1966 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Phước | 15115 | GV Mầm non | ĐH | | | A | A | X | | |
| 334 | Quãng Thị Thời | | 23/09/1976 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Tân | 15a205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 335 | Phan Thị Hữu | | 16/06/1966 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Thạnh | 15115 | GV Mầm non | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 336 | Nguyễn Thị Đậu | | 12/08/1964 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Thới | 15a205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 337 | Nguyễn Thị Phượng | | 08/06/1977 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Long | 15115 | GV Mầm non | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 338 | Hồ Thị Ngọt | | 28/08/1966 | Hiệu trưởng | Trường MG Bình Trung | 15115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | A | | X | | |
| 339 | Tô Văn Năm | 24/6/1960 | | Giám đốc | TT Văn hoá - TTTT | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | | | | X | | |
| 340 | Nguyễn Đoàn Tuấn Kiệt | 19/10/1962 | | Trưởng đài | Đài Truyền thanh | 17.144 | Phóng viên | ĐH | | Cao cấp | B | B | X | | |
| 341 | Trần Ngọc Phương | 05/12/1964 | | Giám đốc | TT Phát triển Quỹ đất | 01.002 | CV chính | ĐH | CVC | Cao cấp | B | B | X | | |
| 342 | Nguyễn Ngọc Đức | 28/01/1975 | | Giám đốc | BQL các Cụm Công nghiệp | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | Cao cấp | B | B | X | | |
| 343 | Vũ Thế Sơn | 05/02/1974 | | Trưởng trạm | Trạm Khuyến nông | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | | B | B | X | | |
| 344 | Trần Văn Xuân | 20/05/1974 | | Giám đốc | VP Đăng ký QSD đất | 13.095 | Kỹ sư | ĐH | | | B | B | X | | |
| 345 | Võ Quốc Nam | 01/01/1976 | | Đội trưởng | Đội Quản lý TT Đô thị | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | | B | B | X | | |
| | **UBND HUYỆN TƯ NGHĨA** | | | | | | | | | | | | | | |
| 346 | Phạm Đăng Đồng | 24/3/1958 | | Trưởng trạm | Trạm Khuyến nông | 13.095 | Kỹ sư | ĐH | CV | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 347 | Võ Quang Minh | 02/01/1957 | | Trưởng đài | Đài truyền thanh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | CV | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 348 | Lê Tôn Danh | 30/5/1963 | | Giám đốc | Văn phòng ĐKQSDĐ | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | B | B | X | | |
| 349 | Bùi Văn Vàng | 06/4/1962 | | Giám đốc | Ban QL DAĐTXD | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | A | B | X | | |
| 350 | Lê Đại Thắng | 05/4/1974 | | Giám đốc | Trung tâm PTQĐ | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | B | B | X | | |
| 351 | Nguyễn Phúc Lộc | 20/10/1974 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Lâm | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | A | X | | |
| 352 | Bạch Trung Nhàn | 02/6/1958 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Thắng | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | | A | X | | |
| 353 | Nguyễn Mậu Chuẩn | 01/08/1969 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Thuận | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | ĐH | X | | |
| 354 | Phạm Nhân Tạo | 21/06/1965 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Kỳ | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | ĐH | X | | |
| 355 | Nguyễn Thị Hà | | 25/7/1961 | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Điền | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 356 | Bùi Phước | 29/03/1959 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Hà | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 357 | Trương Thuận Hưng | 10/01/1965 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Hòa | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 358 | Đinh Tấn Sâm | 01/10/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Phú | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | | X | | |
| 359 | Phạm Văn Nghiệp | 08/12/1962 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa An | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 360 | Huỳnh Tấn An | 11/12/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS T.T La Hà | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | | X | | |
| 361 | Nguyễn Duy Sơn | 15/08/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Trung | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 362 | Kiều Quang Nở | 25/11/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Thương | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 363 | Võ Đình Hoanh | 24/06/1963 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Phương | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | | X | | |
| 364 | Lê Tú Anh | 20/01/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS TT Sông Vệ | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | A | X | | |
| 365 | Đặng Chí | 20/05/1955 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Mỹ | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | | | X | | |
| 366 | Lê Phi Hùng | 10/04/1955 | | Hiệu Trưởng | Trường THCS Nghĩa Hiệp | 15a201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 367 | Trương Văn Vương | 20/10/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Lâm | 15.114 | GV Tiểu học | TC | | | | | X | | |
| 368 | Ngô Như Lập | 17/04/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Sơn | 15.114 | GV Tiểu học | TC | | | | | X | | |
| 369 | Nguyễn Thị Đáng | | 02/08/1973 | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Thọ | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 370 | Nguyễn Phúc | 12/10/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Quyết Thắng | 15a204 | GVTH chính | TC | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 371 | Võ Thị Thu Đông | | 10/01/1970 | Hiệu trưởng | Trường TH Đông Thắng | 15.114 | GV Tiểu học | CĐ | | | A | | X | | |
| 372 | Huỳnh Công Liên | 08/08/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Thuận | 15.114 | GV Tiểu học | TC | | | A | | X | | |
| 373 | Mai Xuân Thành | 20/04/1955 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Kỳ Bắc | 15a.204 | GVTH chính | CĐ | | | | | X | | |
| 374 | Nguyễn Trần Anh | 10/12/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Kỳ Nam | 15a.203 | GVTH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 375 | Trương Công Sơn | 10/12/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Điền | 15114 | GV Tiểu học | TC | | | | | X | | |
| 376 | Đặng Tấn Lực | 06/03/1967 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tây Hà | 15a202 | GV THCS | CĐ | | | A | | X | | |
| 377 | Phạm Thị Mỹ Hoá | | 20/9/1972 | Hiệu trưởng | Trường TH Đông Hà | 15a204 | GVTH chính | ĐH | | | B | B | X | | |
| 378 | Nguyễn Thị Hồng Duyên | | 19/03/1972 | Hiệu trưởng | Trường TH Nam Hà | 15a.204 | GVTH chính | ĐH | | | A | | X | | |
| 379 | Bùi Thiện Quang | 18/6/1958 | | Hiệu trưởng | Trường TH Tây Hòa | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | | | X | | |
| 380 | Nguyễn Tấn Quang | 20/10/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Phan Văn Đường | 15114 | GV Tiểu học | CĐ | | | | | X | | |
| 381 | Bùi Duân | 07/07/1954 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Phú | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 382 | Võ Kỳ | 12/4/1964 | | Hiệu trưởng | Trường TH Phổ An | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | | X | | |
| 383 | Trần Khánh Dư | 10/01/1958 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Tân An | 15a204 | GVTH chính | CĐ | | | | | X | | |
| 384 | Phạm Anh Hùng | 21/12/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH La Hà NT | 15a204 | GVTH chính | CĐ | | | A | A | X | | |
| 385 | Võ Đình Toản | 10/07/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Điện An | 15a204 | GVTH chính | CĐ | | | | | X | | |
| 386 | Bùi Văn Bạn | 20/11/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Vạn An | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | | X | | |
| 387 | Lê Thành | 08/01/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Phương | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | | | X | | |
| 388 | Đoàn Nguyễn Hoàng Dũng | 16/05/1954 | | Hiệu trưởng | Trường THTT Sông Vệ | 15a.204 | GVTH chính | CĐ | | | | | X | | |
| 389 | Phạm Thị Xuân Trinh | | 10/12/1965 | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Mỹ | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | | | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 390 | Lê Tỵ | 02/08/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Đông Hiệp | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 391 | Lê Thị Na | | 06/02/1967 | Hiệu trưởng | Trường TH Tây Hiệp | 15.114 | GV Tiểu học | CĐ | | | A | | X | | |
| 392 | Nguyễn Thị Minh | | 02/02/1973 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Lâm | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | | A | A | X | | |
| 393 | Võ Thị Minh Nguyệt | | 03/02/1966 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Sơn | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 394 | Lê Thị Ánh Tuyết | | 08/08/1968 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Thọ | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | | | | | |
| 395 | Lê Thị Kim Yến | | 15/06/1966 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Thắng | 15115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 396 | Nguyễn Công Minh Hiếu | | 12/05/1982 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Thuận | 15a205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | B | A | X | | |
| 397 | Vũ Thị Quỳnh Như | | 2/9/1970 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Kỳ | 15a205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | A | B | | | |
| 398 | Nguyễn Thị Hiếu | | 01/5/1961 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Điền | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | | B | B | X | | |
| 399 | Đặng Thị Minh Thu | | 27/07/1973 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Hà | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 400 | Phạm Thị Mai Sương | | 20/02/1959 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Hòa | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 401 | Đặng Thị Minh Hiếu | | 02/10/1961 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Phú | 15a205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | A | A | | | |
| 402 | Lê Thị Huyền Trâm | | 10/01/1970 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa An | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 403 | Bùi Thị Kim Hoàng | | 18/07/1961 | Hiệu trưởng | Trường MN Họa Mi | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 404 | Phạm Thị Lương | | 02/8/1964 | Hiệu trưởng | Trường MN Hoa Sen | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 405 | Phan Thị Hậu | | 04/06/1970 | Hiệu trưởng | Trường MN Sao Mai | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | | B | B | X | | |
| 406 | Bùi Thị Kim Duyên | | 11/11/1968 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Trung | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | | | X | | |
| 407 | Nguyễn Thị Kiều Loan | | 21/10/1965 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Thương | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 408 | Kiều Thị Xuân Diệu | | 18/6/1972 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Phương | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 409 | Đoàn Thị Tính | | 01/01/1972 | Hiệu trưởng | Trường MN TT Sông Vệ | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | | B | A | | | |
| 410 | Phạm Thị Ân | | 08/09/1972 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Mỹ | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 411 | Lương Thị Thân | | 14/06/1967 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Hiệp | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | B | B | X | | |
| | **UBND HUYỆN ĐỨC PHỔ** | | | | | | | | | | | | | | |
| 412 | Nguyễn Đình Phú | 16/12/1961 | | Giám đốc | Ban QL Cụm CN-TTCN | 13.095 | Kỹ sư | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 413 | Phạm Ngọc Âu | 12/6/1969 | | Trưởng đài | Đài Truyền thanh - TH | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Trung cấp | B | B | X | | |
| 414 | Huỳnh Thị Cẩm Liêm | | 15/8/1977 | Giám đốc | Trung tâm Phát triển Quỹ đất | 01.003 | Chuyên viên | Thạc sĩ | | | B | B | X | | |
| 415 | Nguyễn Đức Bảy | 17/3/1956 | | Đội trưởng | Đội vệ sinh môi trường | 01.004 | Cán sự | TC | | Trung cấp | | | X | | |
| 416 | Phạm Giang Nam | 10/12/1955 | | Trưởng trạm | Trạm Khuyến nông | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | Cao cấp | A | A | X | | |
| 417 | Nguyễn Thị Thúy | | 14/06/1971 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Châu | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 418 | Trịnh Thị Nữ | | 17/4/1974 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Thạnh | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | Trung cấp | B | A | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 419 | Võ Thị Chung | | 12/05/1962 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Khánh | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 420 | Phạm Thị Xanh | | 05/05/1967 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Cường | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 421 | Huỳnh Thị Tín | | 25/06/1962 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Hòa | 15.115 | GV Mầm non | TC | | Trung cấp | A | | X | | |
| 422 | Lê Thị Bạch Tuyết | | 29/02/1970 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Vinh | 15a.206 | GV MN chính | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 423 | Phan Thị Thủy | | 20/03/1961 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Minh | 15a.206 | GV MN chính | CĐ | | | | | X | | |
| 424 | Ngô Hoài Thương | | 03/09/1980 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Ninh | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | A | X | | |
| 425 | Nguyễn Thị Ngọc Bằng | | 28/12/1962 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Nhơn | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 426 | Lê Thị Phương | | 10/08/1968 | Hiệu trưởng | Trường MN Thị trấn | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 427 | Lê Thị Thanh Thủy | | 05/10/1966 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Văn | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | | | | X | | |
| 428 | Nguyễn Thị Cả | | 10/01/1963 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Thuận | 15a.206 | GV MN chính | CĐ | | Trung cấp | B | A | X | | |
| 429 | Phạm Thị Mỹ Hồng | | 10/04/1959 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ An | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 430 | Huỳnh Thị Hà | | 08/10/1961 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Quang | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 431 | Huỳnh Thị Tú Anh | | 03/08/1970 | Hiệu trưởng | Trường MN Phổ Phong | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 432 | Nguyễn Thạnh | 10/07/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Phổ Châu | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | A | | X | | |
| 433 | Nguyễn Thị Ngọc Mai | | 03/04/1959 | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 Phổ Thạnh | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | A | | X | | |
| 434 | Nguyễn Bình | 27/05/1965 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 2 Phổ Thạnh | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | A | | X | | |
| 435 | Nguyễn Văn Trí | 26/04/1960 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 3 Phổ Thạnh | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | A | | X | | |
| 436 | Nguyễn Đức | 14/04/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 Phổ Khánh | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | | | X | | |
| 437 | Hoàng Tấn Dũng | 20/01/1958 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 2 Phổ Khánh | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | | A | | X | | |
| 438 | Nguyễn Thị Xuân Ái | | 02/01/1967 | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 Phổ Cường | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | B | | X | | |
| 439 | Cao Văn Thành | 12/04/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 2 Phổ Cường | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 440 | Đặng Thị Vi | | 16/02/1973 | Hiệu trưởng | Trường TH Phổ Hoà | 15a.204 | GV TH chính | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 441 | Nguyễn Tiến Dũng | 08/04/1968 | | Hiệu trưởng | Trường TH Phổ Vinh | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 442 | Nguyễn Thị Ngọc Sương | | 10/10/1964 | Hiệu trưởng | Trường TH Phổ Minh | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | A | | X | | |
| 443 | Lê Văn Đức | 23/02/1958 | | Hiệu trưởng | Trường TH Phổ Ninh | 15.114 | GV tiểu học | TC | | | | | X | | |
| 444 | Phan Văn Đậu | 15/08/1955 | | Hiệu trưởng | Trường TH Phổ Nhơn | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |
| 445 | Lê Thanh Tùng | 21/07/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH TT Đức Phổ | 15a.204 | GV TH chính | ĐH | | | | | X | | |
| 446 | Nguyễn Thị Đông | | 08/10/1964 | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 Phổ Văn | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | A | | X | | |
| 447 | Huỳnh Thị Bích Liễu | | 07/08/1976 | Hiệu trưởng | Trường TH số 2 Phổ Văn | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 448 | Trần Phiên | 16/10/1968 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 Phổ Thuận | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 449 | Võ Kim Sơn | 04/10/1962 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 2 Phổ Thuận | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 450 | Vương Thị Hồng Tám | | 20/10/1972 | Hiệu trưởng | Trường TH Phổ An | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | | | | X | | |
| 451 | Bùi Văn Bi | 11/10/1964 | | Hiệu trưởng | Trường TH Phổ Quang | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | A | X | | |
| 452 | Trần Văn Lai | 20/12/1967 | | Hiệu trưởng | Trường TH Phổ Phong | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | B | | X | | |
| 453 | Nguyễn Tấn Việt | 17/09/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Châu | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 454 | Đặng Văn Nương | 10/04/1958 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Thạnh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 455 | Phan Long Hiệp | 08/02/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Khánh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 456 | Võ Trung Khánh | 02/02/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Cường | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |
| 457 | Nguyễn Bá Thận | 19/10/1963 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Hoà | 15a.203 | GV TH cao cấp | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |
| 458 | Lê Thanh Mai | 15/07/1954 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Vinh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | B | ĐH | X | | |
| 459 | Võ Thượng Hùng | 11/12/1966 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Minh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 460 | Nguyễn Ngọc Trâm | 28/10/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Ninh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 461 | Phan Trung Chính | 15/10/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Nhơn | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | Trung cấp | A | | X | | |
| 462 | Lê Văn Việt | 09/02/1957 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ng.nghiêm | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 463 | Lê Quang Min | 20/9/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Văn | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 464 | Huỳnh Thành | 10/11/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ An | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |
| 465 | Huỳnh Tấn Nhủng | 25/02/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Quang | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 466 | Phạm Thành Chung | 10/09/1962 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phổ Phong | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| | **UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** | | | | | | | | | | | | | | |
| 467 | Trần Mạnh Phách | 12/3/1957 | | Trưởng đài | Đài truyền thanh | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Trung cấp | | A | X | | |
| 468 | Trần Ngọc Chiến | 02/01/1964 | | Giám đốc | Trung tâm VH-TT | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | B | B | X | | |
| 469 | Nguyễn Thành Sơn | 10/12/1954 | | Đội trưởng | Đội QLTT đô thị | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 470 | Trần Công Lý | 14/02/1956 | | Giám đốc | BQL Công trình CC | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | | A | B | X | | |
| 471 | Hà Đức Thắng | 14/10/1973 | | Giám đốc | Trung tâm PTQĐ | 01.002 | CV chính | Thạc sĩ | CVC | Cao cấp | B | B | X | | |
| 472 | Nguyễn Văn Hưng | 10/8/1960 | | Giám đốc | BQL các DAĐT&XD | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | A | | X | | |
| 473 | Nguyễn Thị Minh Đức | | 05/3/1964 | Hiệu trưởng | Trường THCS Nguyễn Nghiêm | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 474 | Võ Thưởng | 10/10/1956 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Trần Phú | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 475 | Lê Văn Cảnh | 08/01/1958 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Trần H Đạo | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 476 | Huỳnh Minh Lương | 07/7/1958 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Quảng Phú | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 477 | Nguyễn Tấn An | 31/12/1958 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Lê Hồng Phong | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 478 | Nguyễn Xuân Khanh | 20/02/1955 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Lộ | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 479 | Bùi Văn Tạo | 20/12/1954 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Chánh Lộ | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 480 | Lâm Duy Anh Việt | 15/6/1954 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Chánh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 481 | Nguyễn Phùng Xuân Thu | 16/01/1980 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Dũng | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 482 | Trần Văn Sự | 10/7/1963 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Nghĩa Dõng | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 483 | Võ Văn Mạnh | 16/4/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nguyễn Nghiêm | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 484 | Nguyễn Quyền | 01/01/1962 | | Hiệu trưởng | Trường TH Trần Phú | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 485 | Trịnh Thị Thu Hồng | | 15/3/1965 | Hiệu trưởng | Trường TH Trần H Đạo | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 486 | Ngô Minh Quang | 01/7/1963 | | Hiệu trưởng | Trường TH Quảng Phú 1 | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | A | | X | | |
| 487 | Huỳnh Công Anh | 12/9/1958 | | Hiệu trưởng | Trường TH Quảng Phú 2 | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |
| 488 | Nguyễn Thị Kim Kiều | | 06/6/1964 | Hiệu trưởng | Trường TH Lê Hồng Phong | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 489 | Lê Thị Liên | | 19/6/1968 | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Lộ | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | A | B | X | | |
| 490 | Trịnh Ngọc Thí | 10/7/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Chánh Lộ | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 491 | Trần Quang Hiếu | 27/11/1965 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Chánh | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 492 | Bùi Ngọc Hà | 20/01/1973 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Dũng | 15.114 | Giáo viên TH | TC | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 493 | Nguyễn Văn Gần | 20/10/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Nghĩa Dõng | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | A | X | | |
| 494 | Nguyễn Thị Kim Thoa | | 10/12/1960 | Hiệu trưởng | Trường MN Nguyễn Nghiêm | 15.115 | GV mầm non | TC | | | | | X | | |
| 495 | Đặng Thị Ngọc Lý | | 22/8/1962 | Hiệu trưởng | Trường MN 2/9 | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 496 | Huỳnh Thị Lưu | | 20/12/1967 | Hiệu trưởng | Trường MN Bình Minh | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | A | A | X | | |
| 497 | Huỳnh Thị Tuyết Mai | | 17/9/1967 | Hiệu trưởng | Trường MN Lê Hồng Phong | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | A | A | X | | |
| 498 | Trần Thị Lai | | 04/5/1967 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Lộ | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | | | X | | |
| 499 | Nguyễn Thị Phương Ánh | | 24/02/1961 | Hiệu trưởng | Trường MN Chánh Lộ | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | | A | X | | |
| 500 | Nguyễn Thị Minh Trung | | 20/10/1963 | Hiệu trưởng | Trường MN Hoa Hồng | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 501 | Trần Thị Thùy Trang | | 07/6/1981 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Dũng | 15.115 | GV mầm non | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 502 | Phan Thị Thúy Anh | | 18/6/1968 | Hiệu trưởng | Trường MN Nghĩa Dõng | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | A | B | X | | |
| | **UBND HUYỆN NGHĨA HÀNH** | | | | | | | | | | | | | | |
| 503 | Lữ Đình Phong | 29/01/1965 | | Giám đốc | Trung tâm TDTT | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | B | B | X | | |
| 504 | Nguyễn Nhàn | 10/9/1964 | | Trưởng đài | Đài Truyền thanh | 17.141 | Biên tập viên | ĐH | CV | Cao cấp | B | B | X | | |
| 505 | Kiều chiến | 20/8/1955 | | Trưởng trạm | Trạm Khuyến nông | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | | | X | | |
| 506 | Hồ Vĩnh Phước | 07/6/1954 | | Giám đốc | Trung tâm PT quỹ đất | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cử nhân | B | B | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 507 | Đặng Văn Chín | 1/12/1955 | | Giám đốc | BQL Dự án ĐT&XD | 01.003 | Chuyên viên | TC | CV | Cao cấp | | | X | | |
| 508 | Nguyễn Thị Thu Hương | | 08/11/1961 | Hiệu trưởng | Trường THCS Hành Dũng | 15a201 | GVTHCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 509 | Huỳnh Phúc | 05/05/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Hành Thiện | 15a201 | GVTHCS chính | ĐH | | | A | | X | | |
| 510 | Nguyễn Minh Khương | 15/06/1964 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Hành Tín Đông | 15a201 | GVTHCS chính | ĐH | | | B | B | X | | |
| 511 | Huỳnh Thị Ngọc Loan | | 16/06/1962 | Hiệu trưởng | T.THCS Huỳnh Thúc Kháng | 15a201 | GVTHCS chính | ĐH | | | A | B | X | | |
| 512 | Trần Quang | 20/11/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Hành Minh | 15113 | GV trung học | ĐH | | | A | | X | | |
| 513 | Nguyễn Văn Xã | 15/09/1963 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Hành Thịnh | 15a201 | GVTHCS chính | ĐH | | | A | | X | | |
| 514 | Nguyễn Duy Đức | 10/10/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Hành Tín Tây | 15a201 | GVTHCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 515 | Nguyễn Tám | 06/02/1958 | | Hiệu trưởng | THCS Nguyễn Kim Vang | 15a201 | GVTHCS chính | ĐH | | | A | A | X | | |
| 516 | Nguyễn Diên Tào | 01/01/1964 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Hành Nhân | 15a201 | GVTHCS chính | ĐH | | | B | | X | | |
| 517 | Phan Tấn Quang | 25/04/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Hành Thuận | 15a201 | GVTHCS chính | ĐH | | | A | A | X | | |
| 518 | Đồng Phú Lễ | 06/03/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Hành Trung | 15a201 | GVTHCS chính | ĐH | | | A | | X | | |
| 519 | Lê Văn Hòa | 01/12/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Phạm Văn Đồng | 15a201 | GVTHCS chính | ĐH | | | A | A | X | | |
| 520 | Nguyễn Tấn Soái | 24/01/1955 | | Hiệu trưởng | Trường TH Hành Dũng | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | | X | | |
| 521 | Nguyễn Ngọc Đường | 10/05/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH Hành Thuận | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 522 | Nguyễn Hiền | 20/10/1961 | | Hiệu trưởng | Trường TH Hành Trung | 15113 | GV Trung học | CĐ | | | A | A | X | | |
| 523 | Võ Đình Khất | 21/09/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 Hành Phước | 15a204 | GVTH chính | CĐ | | | A | | X | | |
| 524 | Phạm Thị Hồng Thoa | | 10/12/1959 | Hiệu trưởng | Trường TH số 2 Hành Đức | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 525 | Lê Thị Sang | | 10/04/1965 | Hiệu trưởng | Trường TH số 2 Hành Thiện | 15114 | GV tiểu học | ĐH | | | A | | X | | |
| 526 | Nguyễn Đức Khánh | 10/12/1962 | | Hiệu trưởng | Trường TH Hành Minh | 15113 | GV Trung học | CĐ | | | | | X | | |
| 527 | Nguyễn Văn Hiền | 06/06/1963 | | Hiệu trưởng | Trường TH Hành Tín Đông | 15a204 | GVTH chính | CĐ | | | A | A | X | | |
| 528 | Phạm Ngọc Thạnh | 30/07/1958 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 Hành Đức | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 529 | Nguyễn Thị Thu Ba | | 17/11/1963 | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 Hành Thiện | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 530 | Trần Tấn Tuấn | 12/04/1966 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 2 Hành Nhân | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 531 | Lương Hữu Nhơn | 20/01/1956 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 2 TT Chợ Chùa | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | C | X | | |
| 532 | Huỳnh Văn Tiến | 01/06/1963 | | Hiệu trưởng | Trường TH Hành Thịnh | 15a204 | GVTH chính | CĐ | | | A | | X | | |
| 533 | Nguyễn Thị Cúc | | 17/08/1959 | Hiệu trưởng | Trường TH Hành Tín Tây | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 534 | Võ Tấn Anh | 01/01/1964 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 Hành Nhân | 15a204 | GVTH chính | CĐ | | | A | | X | | |
| 535 | Tống Văn Chính | 12/10/1961 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 TT Chợ Chùa | 15a203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | | | X | | |
| 536 | Nguyễn Văn Hào | 10/03/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 2 Hành Phước | 15a204 | GVTH chính | CĐ | | | A | A | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 537 | Nguyễn Thị Kim Tuyến | | 10/05/1975 | Hiệu trưởng | Trường MN Hành Đức | 15a205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | A | B | X | | |
| 538 | Nguyễn Thị Lệ Ảnh | | 02/02/1961 | Hiệu trưởng | Trường MN Hành Phước | 15a206 | GVMN chính | CĐ | | | | | X | | |
| 539 | Võ Thị Trà | | 12/02/1965 | Hiệu trưởng | Trường MN Hành Thuận | 15115 | GV Mầm non | ĐH | | | A | A | X | | |
| 540 | Nguyễn Thị Tiệm | | 7/10/1980 | Hiệu trưởng | Trường MN Hoa Mai | 15a205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | B | A | X | | |
| 541 | Nguyễn Thị Bích Thiện | | 25/07/1970 | Hiệu trưởng | Trường MN Hành Dũng | 15a205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 542 | Hà Thị Tùng | | 10/09/1969 | Hiệu trưởng | Trường MN Hành Thiện | 15115 | GV Mầm non | CĐ | | | B | B | X | | |
| 543 | Nguyễn Thị Xuân Thuận | | 27/04/1965 | Hiệu trưởng | Trường MN Hành Tín Đông | 15a206 | GVMN chính | CĐ | | | B | B | X | | |
| 544 | Võ Thị Nghiêm | | 06/01/1965 | Hiệu trưởng | Trường MN TT Chợ Chùa | 15a205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 545 | Nguyễn Thị Tố Nga | | 18/12/1968 | Hiệu trưởng | Trường MN Hành Minh | 15a205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 546 | Lưu Thị Bích Thủy | | 20/10/1976 | Hiệu trưởng | Trường MN Hành Thịnh | 15a205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 547 | Bùi Thị Hoài Thanh | | 16/03/1960 | Hiệu trưởng | Trường MN Hành Trung | 15115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 548 | Trương Thị Cẩm Vân | | 27/07/1961 | Hiệu trưởng | Trường MN Hành Tín Tây | 15a206 | GVMN chính | CĐ | | | | | X | | |
| | **UBND HUYỆN LÝ SƠN** | | | | | | | | | | | | | | |
| 549 | Đặng Quang Thơi | 16/8/1975 | | Trạm trưởng | Trạm Khuyến nông | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Sơ cấp | B | B | X | | |
| 550 | Nguyễn Hữu Chi | 20/4/1965 | | Trưởng đài | Đài truyền thanh | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | B | B | X | | |
| 551 | Huỳnh Công Trí | 19/02/1973 | | Giám đốc | BQL Cảng | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | Sơ cấp | B | A | X | | |
| 552 | Nguyễn Thị Đầm | | 04/10/1962 | Hiệu trưởng | Trường MN Lý Sơn | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | Sơ cấp | B | B | X | | |
| 553 | Phan Thị Liên | | 10/10/1962 | Hiệu trưởng | Trường MN An Vĩnh | 15.115 | GV Mầm non | TC | | Sơ cấp | | | X | | |
| 554 | Mai Thị Ngọc Thắm | | 08/01/1978 | Hiệu trưởng | Trường MN An Hải | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | Sơ cấp | B | B | X | | |
| 555 | Trần Thanh Dũng | 12/10/1976 | | Hiệu trưởng | Trường TH An Bình | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | | | X | | |
| 556 | Đặng Thành | 01/01/1957 | | Hiệu trưởng | Trường TH An Hải | 15.114 | GV Tiểu học | TC | | Trung cấp | | | X | | |
| 557 | Trần Thanh Nhân | 06/10/1964 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 1 An Vĩnh | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 558 | Nguyễn Em Việt | 12/12/1955 | | Hiệu trưởng | Trường TH số 2 An Vĩnh | 15.114 | GV Tiểu học | TC | | Trung cấp | | | X | | |
| 559 | Dương Ngọc Thành | 10/15/1962 | | Hiệu trưởng | Trường THCS An Hải | 15a.021 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | A | | X | | |
| 560 | Phạm Hoàng Trường | 15/05/1970 | | Hiệu trưởng | Trường THCS An Vĩnh | 15a.021 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| | **UBND HUYỆN SƠN HÀ** | | | | | | | | | | | | | | |
| 561 | Đinh Chung Anh | 05/3/1963 | | Trưởng đài | Đài truyền thanh | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | A | A | X | Hre | |
| 562 | Đinh Văn Trung | 20/4/1976 | | Trưởng trạm | Trạm Khuyến nông | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | Sơ cấp | KTV | A | | Hre | |
| 563 | Phùng Minh Đức | 20/10/1965 | | Giám đốc | Trung tâm PTQĐ | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | A | B | X | | |
| 564 | Trần Đình Sự | 28/12/1961 | | Giám đốc | BQL Dự án ĐT&XD | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | Cao cấp | | | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 565 | Phạm Văn Công | 03/4/1976 | | Giám đốc | Trung tâm Dạy nghề | 15a.202 | Giáo viên THCS | ĐH | | | B | B | | Hre | |
| 566 | Nguyễn Thị Bé | | 02/10/1981 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Hạ | 15.115 | Giáo viên MN | TC | | | B | B | X | Hre | |
| 567 | Trần Thị Bích Thành | | 15/7/1984 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Hương Sen | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | A | B | X | Hre | |
| 568 | Nguyễn Thị Thanh Lan | | 31/12/1981 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Thành | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | B | A | X | | |
| 569 | Bùi Thị Hoà | | 15/10/1981 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Nham | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | B | B | | | |
| 570 | Trương Thị Minh Dưỡng | | 07/12/1987 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Cao | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | A | B | X | | |
| 571 | Nguyễn Thị Đồng | | 12/01/1982 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Linh | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | B | B | X | | |
| 572 | Lê Thị Ngân | | 20/3/1984 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Giang | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | A | A | X | | |
| 573 | Võ Thị Thu Hiền | | 18/12/1981 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Thủy | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | B | A | X | | |
| 574 | Vũ Thị Lê Na | | 23/5/1968 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Hải | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | A | B | X | | |
| 575 | Phùng Thị Quyên | | 25/12/1981 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Kỳ | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | B | B | X | | |
| 576 | Đinh Thị Sỹ | | 16/9/1979 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Ba | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | B | B | X | | |
| 577 | Hoàng Thị Vấn | | 20/03/1959 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Họa Mi | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 578 | Trần Thị Thuý Kiều | | 04/5/1981 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non 17/3 | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | B | B | X | | |
| 579 | Nguyễn Thị Oanh | | 24/1/1963 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Thượng | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | | | X | | |
| 580 | Nguyễn Thị Học | | 14/07/1973 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Bao | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | A | B | X | | |
| 581 | Lê Thị Thủy | | 03/9/1968 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Sơn Trung | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | A | B | X | | |
| 582 | Hồ Xuân Anh | 21/3/1968 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học.Sơn Hạ I | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |
| 583 | Vũ Như Nghĩa | 24/7/1970 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Sơn Hạ 2 | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | | B | B | X | | |
| 584 | Trần. Ngọc Mai | 04/5/1960 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Sơn Thành | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Cao cấp | B | | X | | |
| 585 | Huỳnh Công Chiến | 10/10/1969 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Sơn Nham | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |
| 586 | Lâm Tấn Đức | 02/01/1961 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Sơn Cao | 15.114 | GV Tiểu học | TC | | | | | X | | |
| 587 | Nguyễn Thạch | 02/02/1958 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Sơn Linh | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |
| 588 | Phạm Văn Trung | 10/10/1966 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Sơn Giang | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |
| 589 | Phạm Thị Thúy | | 01/01/1970 | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Sơn Thủy | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | | B | B | X | | |
| 590 | Thới Nam Huy | 12/6/1967 | | Hiệu trưởng | Trường TH và THCS Sơn Hải | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |
| 591 | Nguyễn Đức Huy | 26/10/1967 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Sơn Kỳ | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | B | A | X | | |
| 592 | Đặng văn Cương | 25/5/1973 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Sơn Ba | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | | X | | |
| 593 | Đinh Thị Bích Nhàn | | 05/9/1974 | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Di Lăng I | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |
| 594 | Vương Thị Dung | | 02/02/1962 | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Di Lăng II | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 595 | Huỳnh Văn Tín | 06/4/1978 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Sơn Thượng | 15.114 | GV Tiểu học | TC | | | A | | X | | |
| 596 | Nguyễn Tấn Nam | 20/10/1970 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Sơn Bao | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | | B | A | X | | |
| 597 | Phan Khắc Hiền | 18/01/1967 | | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Sơn Trung | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |
| 598 | Nguyễn Thị Hương | 26/9/1970 | | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Nước Nia | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | B | | X | | |
| 599 | Nguyễn Sinh | 18/12/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Sơn Hạ | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Cao cấp | B | | X | | |
| 600 | Trần Đức Lượng | 21/11/1978 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Sơn Thành | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | A | X | | |
| 601 | Lê Mực | 30/9/1961 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Sơn Nham | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Cao cấp | B | | X | | |
| 602 | Nguyễn Hữu Mai | 20/4/1965 | | Hiệu trưởng | Trường THCS S.Cao | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | A | X | | |
| 603 | Lê Khanh | 28/12/1965 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Sơn Linh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | | X | | |
| 604 | Nguyễn Thị Thanh Dung | | 28/07/1979 | Hiệu trưởng | Trường THCS Sơn Giang | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | A | X | | |
| 605 | Tạ Đình Trường An | 31/3/1979 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Sơn Thủy | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | | X | | |
| 606 | Trần Duy Hùng | 28/11/1977 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Sơn Ba | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | B | X | | |
| 607 | Nguyễn Văn Thành | 31/12/1974 | | Hiệu trưởng | Trường THCS TT Di Lăng | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | B | X | | |
| 608 | Trần Văn Hải | 15/8/1964 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Sơn Thượng | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cử nhân | B | B | X | | |
| 609 | Mai Hồng Hà | 12/12/1979 | | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Sơn Nham | 15a.202 | Giáo viên THCS | CĐ | | | B | A | X | | |
| | **UBND HUYỆN BA TƠ** | | | | | | | | | | | | | | |
| 610 | Trần Văn Dũng | 14/07/1963 | | Trưởng đài | Đài truyền thanh | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cử nhân | B | B | X | | |
| 611 | Nguyễn Minh Huế | 02/10/1957 | | Giám đốc | TT phát triển quỹ đất | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | B | | X | | |
| 612 | Nguyễn Thanh Hiệp | 06/06/1962 | | Trưởng trạm | Trạm khuyến nông | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cử nhân | B | | X | | |
| 613 | Nguyễn Trọng | 31/12/1957 | | Giám đốc | BQL Rừng PH khu Tây | 01.003 | Kỹ sư | ĐH | CV | Cao cấp | B | | X | | |
| 614 | Phạm Hồng Vân | 27/07/1965 | | Giám đốc | BQL Rừng PH khu Đông | 06.031 | Kế toán viên | ĐH | | | B | B | X | | |
| 615 | Hồ Thị Thanh | | 20/5/1972 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Ngạc | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | | B | B | X | | |
| 616 | Huỳnh Thị Kim Anh | | 20/05/1982 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Tiêu | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | | B | B | X | | |
| 617 | Võ Thị Bích Phượng | | 03/10/1982 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Vì | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 618 | Võ Thị Mỹ Trang | | 01/7/1981 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Xa | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 619 | Trịnh Thị Thương | | 12/2/1982 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Tô | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 620 | Bùi Thị Nhuận | | 01/01/1971 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Dinh | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 621 | Phạm Thị Phách | | 12/05/1984 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Giang | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | Trung cấp | B | | X | Hre | |
| 622 | Nguyễn Thị Đức | | 01/10/1962 | Hiệu trưởng | Trường MN 11/3 Ba Tơ | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 623 | Vũ Thị Tuyết Lan | | 12/09/1969 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Bích | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 624 | Phạm Thị Phụng | | 22/2/1980 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Lế | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | B | | X | Hre | |
| 625 | Phạm Thị Na | | 27/05/1971 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Cung | 15.115 | GV Mầm non | TC | | | B | | X | Hre | |
| 626 | Phạm Thị Chép | | 14/01/1980 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Thành | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | | B | | X | Hre | |
| 627 | Lê Minh Hiền | | 01/9/1978 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Vinh | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 628 | Phạm Thị Hồng Nhụy | | 10/11/1978 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Động | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 629 | Phạm Thị Thành | | 20/8/1982 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Khâm | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | | A | | X | Hre | |
| 630 | Phạm Thị Đon | | 16/8/1979 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Ba Trang | 15.115 | GV Mầm non | ĐH | | | A | | X | Hre | |
| 631 | Phạm Văn Lang | 2/12/1964 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Ngạc | 15.114 | GV tiểu học | TC | | Trung cấp | A | | X | Hre | |
| 632 | Nguyễn Bá Tâm | 09/9/1968 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Tiêu | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 633 | Nguyễn Muôn | 06/02/1961 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Vì | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 634 | Phạm Hồng Ảy | 20/12/1957 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Xa | 15.114 | GV tiểu học | TC | | | A | | X | Hre | |
| 635 | Phạm Văn Nía | 10/10/1963 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Tô | 15.114 | GV tiểu học | TC | | Trung cấp | A | | X | Hre | |
| 636 | Huỳnh Thị Kim Luyến | | 02/02/1963 | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Dinh | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | B | B | X | | |
| 637 | Phạm Văn Công | 28/8/1966 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học TT Ba Tơ | 15.114 | GV tiểu học | CĐ | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 638 | Trần Ngọc Thành | 08/8/1968 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Bích | 15.114 | GV tiểu học | CĐ | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 639 | Phạm Chí Tình | 13/5/1963 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Lế | 15.114 | GV tiểu học | TC | | | B | | X | Hre | |
| 640 | Phạm Văn Đồng | 10/5/1965 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Thành | 15.114 | GV tiểu học | TC | | Trung cấp | B | | X | Hre | |
| 641 | Phan Quang Thạch | 09/12/1958 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Vinh | 15.114 | GV tiểu học | TC | | | B | B | X | | |
| 642 | Trần Thị Thanh Hải | | 07/10/1964 | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Động | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 643 | Võ Hồ | 07/1/1964 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Khâm | 15.114 | GV tiểu học | TC | | | B | B | X | | |
| 644 | Phạm Thị My | | 22/12/1962 | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Ba Trang | 15a.203 | GV TH Cao cấp | CĐ | | Trung cấp | B | | X | Hre | |
| 645 | Nguyễn Thị Thuý Lệ | | 14/11/1977 | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Ngạc | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | B | B | X | | |
| 646 | Phạm Quang Nin | 24/6/1971 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Tiêu | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | B | B | X | | |
| 647 | Nguyễn Thanh Hoàng | 30/12/1975 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Vì | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 648 | Nguyễn Văn Ny | 20/7/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Xa | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | B | B | X | | |
| 649 | Nguyễn Thế Trung | 13/9/1972 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Tô | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | B | B | X | | |
| 650 | Nguyễn Văn Giàu | 4/4/1959 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Dinh-Ba Tô | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | CV | Trung cấp | B | B | X | | |
| 651 | Đào Văn Thành | 19/07/1975 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Giang | 15a.202 | GV THCS | ĐH | | | B | B | X | | |
| 652 | Cao Văn Chính | 07/7/1958 | | Hiệu trưởng | Trường THCS TT Ba Tơ | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 653 | Phạm Văn Dũng | 06/11/1976 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Bích | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | B | B | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 654 | Nguyễn Mậu Hải | 06/5/1980 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Lế | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | B | X | | |
| 655 | Trần Ngọc Lựu | 19/9/1960 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Vinh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 656 | Lê Duy Khoa | 12/2/1963 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Động | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | B | X | | |
| 657 | Phan Văn Chí | 02/02/1963 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Khâm | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | B | X | | |
| 658 | Hà Đức Tú | 29/4/1965 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Trang | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | B | | | |
| 659 | Trần Văn Thắng | 15/7/1979 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Ba Nam | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | B | B | X | | |
| 660 | Huỳnh Thị Đào | | 20/10/1970 | Hiệu trưởng | TrườngTH&THCS Ba Chùa | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 661 | Nguyễn Văn Dương | 30/8/1968 | | Hiệu trưởng | TrườngTH&THCS Ba Điền | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | B | B | X | | |
| 662 | Trần Vạn Tâm | 14/10/1954 | | Hiệu trưởng | TrườngTH&THCS Ba Liên | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | Trung cấp | B | B | X | | |
| | **UBND HUYỆN MINH LONG** | | | | | | | | | | | | | | |
| 663 | Nguyễn Linh Quý | 15/7/1961 | | Trưởng trạm | Trạm khuyến nông huyện | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | Cao cấp | | | X | | |
| 664 | Nguyễn Đại Thanh | 31/8/1965 | | Trưởng đài | Đài Truyền thanh PLTH | 13.095 | Kỹ sư | ĐH | | Cao cấp | A | B | X | | |
| 665 | Lê Chí Khanh | 08/10/1966 | | Giám đốc | Ban quản lý rừng phòng hộ | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | | B | B | X | | |
| 666 | Đào Thị Xuân Thương | | 07/4/1976 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Thanh An | 15.115 | GV mầm non | ĐH | | | B | | X | | |
| 667 | Lê Thị Tuyết Trinh | | 25/11/1975 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Long Mai | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 668 | Huỳnh Thị Em | | 10/10/1968 | Hiệu trưởng | Trường mầm non huyện | 15.115 | GV mầm non | TC | | | B | B | X | | |
| 669 | Lâm Thị Kim Nhung | | 29/6/1975 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Long Hiệp | 15a.205 | GVMN cao cấp | ĐH | | Trung cấp | B | A | X | | |
| 670 | Trần Thị Phương | | 23/01/1960 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Long Sơn | 15.115 | GV mầm non | TC | | | A | | X | | |
| 671 | Đinh Văn Trai | 20/01/1962 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Long Hiệp | 15a.204 | GVTH chính | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |
| 672 | Nguyễn Thị Tuyền | | 01/01/1967 | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Long Mai 2 | 15a.203 | GVTH cao cấp | ĐH | | | B | B | X | | |
| 673 | Phan Thượng Hương | 22/9/1955 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Thanh An | 15a.202 | Giáo viên THCS | CĐ | | Trung cấp | | | X | | |
| 674 | Nguyễn Trung | 28/02/1961 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Long Sơn | 15a.202 | Giáo viên THCS | CĐ | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 675 | Đoàn Phú Diệp | 04/07/1967 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Long Mai 1 | 15a.204 | GVTH chính | CĐ | | | B | B | X | | |
| 676 | Võ Văn Vinh | 11/12/1967 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Long Hiệp | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Trung cấp | B | B | X | | |
| 677 | Đỗ Quang Tiếu | 12/12/1962 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Long Mai | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | | | X | | |
| 678 | Phạm Thị Hải | | 02/6/1968 | Hiệu trưởng | Trường THCS Thanh An | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | B | X | | |
| 679 | Trần Văn Nga | 30/01/1963 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Long Sơn | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | B | X | | |
| 680 | Nguyễn Anh Tuấn | 01/01/1962 | | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Long Môn | 15a.202 | Giáo viên THCS | CĐ | | | | | X | | |
| | **UBND HUYỆN SƠN TÂY** | | | | | | | | | | | | | | |
| 681 | Nguyễn Văn Nhị | 26/4/1978 | | Giám đốc | Trung tâm PT quỹ đất | 01.004 | Cán sự | ĐH | CV | | B | B | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 682 | Đinh Buôi | 20/2/1957 | | Giám đốc | Ban Quản lý rừng | 01.004 | Cán sự | TC | | Trung cấp | B | A | X | Hre | |
| 683 | Trần Quý | 7/10/1972 | | Trạm trưởng | Trạm Khuyến nông | 09.056 | CĐV động vật | ĐH | | | B | B | X | | |
| 684 | Phạm Nhi | 26/4/1964 | | Trưởng đài | Đài truyền thanh | 17.144 | Phóng viên - BTV | ĐH | | Cao cấp | B | B | X | | |
| 685 | Nguyễn Thị Kim Huệ | | 13/4/1978 | Hiệu trưởng | Trường MN Hoa Pơ Niêng | 15.115 | Giáo viên mầm non | TC | | | B | A | X | | |
| 686 | Nguyễn Thị Tuyên | | 26/3/1976 | Hiệu trưởng | Trường MN Sơn Tân | 15a.205 | GV MN Cao cấp | ĐH | | | B | A | X | | |
| 687 | Lê Ngọc Hân | 03/9/1971 | | Hiệu trưởng | Trường TH Sơn Mùa | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | B | A | X | | |
| 688 | Nguyễn Ngọc Huề | 10/12/1969 | | Hiệu trưởng | Trường TH Sơn Liên | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | | B | A | X | | |
| 689 | Nguyễn Văn Giàu | 11/8/1971 | | Hiệu trưởng | Trường TH Sơn Tân | 15.114 | Giáo viên TH | TC | | | A | A | X | | |
| 690 | Nguyễn Tùng Lâm | 25/10/1960 | | Hiệu trưởng | Trường TH Sơn Màu | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 691 | Phạm Đình Thư | 2/6/1974 | | Hiệu trưởng | Trường TH Sơn Tinh | 15a.203 | GV TH Cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 692 | Nguyễn Thị Minh Hoa | | 9/5/1972 | Hiệu trưởng | Trường TH Sơn Dung | 15a.202 | Giáo viên THCS | CĐ | | | A | A | X | | |
| 693 | Trần Văn Tài | 2/7/1968 | | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Sơn Lập | 15.114 | Gáio viên TH | TC | | | A | A | X | | |
| 694 | Nguyễn Văn Hùng | 11/6/1977 | | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Sơn Bua | 15.114 | Giáo viên TH | TC | | | A | A | X | | |
| 695 | Nguyễn Anh Tuấn | 3/9/1976 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Sơn Long | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | A | X | | |
| 696 | Bùi Tấn Bình | 12/5/1963 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Sơn Tân | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | A | X | | |
| | **UBND HUYỆN TRÀ BỒNG** | | | | | | | | | | | | | | |
| 697 | Hà Văn Đồng | 09/10/1966 | | Giám đốc | BQL dự án ĐT&XD | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | Cao cấp | B | B | X | | |
| 698 | Phan Thị Xuân Lập | | 14/12/1976 | Trưởng đài | Đài Truyền Thanh | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Cao cấp | B | | X | | |
| 699 | Hạ Huy Tiến | 12/11/1977 | | Giám đốc | Trung tâm dạy nghề | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CVC | Cao cấp | ĐH | B | X | | |
| 700 | Đỗ Tấn Sĩ | 09/6/1957 | | Trạm trưởng | Trạm khuyến nông | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | | Cao cấp | A | | X | | |
| 701 | Nguyễn Dương | 20/12/1959 | | Giám đốc | BQL rừng phòng hộ | 01.004 | Cán sự | TC | | Trung cấp | A | | X | | |
| 702 | Phan Thái Sơn | 10/8/1956 | | Giám đốc | Trung tâm phát triển quỹ đất | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Sơ cấp | B | B | X | | |
| 703 | Lê Thị Mận | | 15/01/1978 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non 28/8 | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | | B | X | | |
| 704 | Nguyễn Thị Mận | | 11/07/1974 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Trà Phú | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 705 | Nguyễn Thị Quy | | | Hiệu trưởng | Trường Mầm non Trà Bình | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | | B | X | | |
| 706 | Nguyễn Thị Mai | | 12/01/1967 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Trà Sơn | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | A | | X | | |
| 707 | Đỗ Thị Hùng Vỹ | | 10/2/1984 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Trà Tân | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | B | | X | | |
| 708 | Trần Thị Thôi | | 30/11/1979 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Trà Bùi | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | A | | | | |
| 709 | Hồ Thị Hiếu | | 01/01/1983 | Hiệu trưởng | Trường Mẫu giáo Trà Lâm | 15a.205 | GV MN cao cấp | CĐ | | Sơ cấp | B | | X | | |
| 710 | Bùi Quang Minh | 02/09/1964 | | Hiệu trưởng | Trường TH T.Xuân | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | A | | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 711 | Đặng Thị Hồng | 06/01/1967 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Trà Phú | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | | | X | | |
| 712 | Nguyễn Bình | 20/10/1955 | | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Trà Bình | 15a202 | Giáo viên THCS | CĐ | | | A | | X | | |
| 713 | Võ Thị Kim Loan | | 22/8/1967 | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học số 1 Trà Sơn | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | A | | X | | |
| 714 | Đinh Thị Thanh | | 06/4/1960 | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Trà Sơn II | 15.114 | Giáo viên tiểu học | TC | | Sơ cấp | | B | X | Kor | |
| 715 | Nguyễn Thị Thu Thảo | | 10/02/1975 | Hiệu trưởng | Trường Tiểu học Trà Thuỷ | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | | A | B | X | | |
| 716 | Nguyễn Văn Tiến | 12/07/1964 | | Hiệu trưởng | Trường THCS TT Trà Xuân | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | CV | | B | | X | | |
| 717 | Nguyễn Văn Chính | 10/2/1962 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Trà Bình | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | CV | | A | | X | | |
| 718 | Võ Hoa | 20/05/1955 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Trà Sơn | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | Sơ cấp | A | | X | | |
| 719 | Dương Thị Thu Hà | | 10/3/1969 | Hiệu trưởng | Trường THCS Trà Thuỷ | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | | B | X | | |
| 720 | Trương Quang Kỳ | 10/09/1970 | | Hiệu trưởng | Trường TH& THCS Trà Giang | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | | B | X | | |
| 721 | Phạm Thị Thu Thủy | | 28/3/1966 | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Trà Tân | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | CV | | | | X | | |
| 722 | Dương Văn Nhẫn | 14/5/1965 | | Hiệu trưởng | Trường TH& THCS Trà Bùi | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | | B | X | | |
| 723 | Võ Thị Tư | | 30/12/1967 | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Trà Hiệp | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Trung cấp | | | X | | |
| 724 | Đỗ Ngọc Chung | 20/08/1968 | | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Trà Lâm | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | Sơ cấp | A | | X | | |
| | **UBND HUYỆN TÂY TRÀ** | | | | | | | | | | | | | | |
| 725 | Phan Văn Thuận | 06/9/1963 | | Trưởng đài | Đài Truyền thanh | 01.004 | Cán sự | ĐH | CV | | | | | | |
| 726 | Đinh Thị Lê Hiền | | 17/7/1981 | Hiệu trưởng | Trường Mầm non 28/8 | 15a.206 | GV MN chính | CĐ | | | A | A | X | | |
| 727 | Trần Thị Minh Hiền | | 1/1/1982 | Hiệu trưởng | Trườn MG Trà Xinh | 15a.206 | GV MN chính | CĐ | | | A | | | | |
| 728 | Hồ Thị Lệ Thủy | | 11/9/1982 | Hiệu trưởng | Trường MG Trà Thọ | 15.115 | GV mầm non | TC | | | A | A | X | Kor | |
| 729 | Nguyễn Thị Thu Kiều | | 26/2/1982 | Hiệu trưởng | Trường MG Trà Trung | 15.115 | GV mầm non | TC | | | A | A | X | | |
| 730 | Hồ Thị Hà | | 21/1/1979 | Hiệu trưởng | Trường MG Trà Nham | 15.115 | GV mầm non | TC | | | A | A | | Kor | |
| 731 | Nguyễn Thị Thảo | | 19/01/1975 | Hiệu trưởng | Trường MG Trà Thanh | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | A | B | X | | |
| 732 | Võ Thị Kim Quyên | | 1/2/1979 | Hiệu trưởng | Trường MG Trà Quân | 15a.205 | GV MN cao cấp | ĐH | | | A | B | | | |
| 733 | Lê Thị Sen | | 1/2/1982 | Hiệu trưởng | Trường MG Trà Khê | 15.115 | GV mầm non | TC | | | A | A | X | | |
| 734 | Trần Ngọc Thái | 13/10/1972 | | Hiệu trưởng | Trường TH Trà Phong | 15a.204 | GV TH chính | ĐH | | | A | A | X | | |
| 735 | Huỳnh Thanh Danh | 10/10/1971 | | Hiệu trưởng | Trường TH Trà Thọ | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | A | B | X | | |
| 736 | Nguyễn Thị Kim Ánh | | 21/11/1976 | Hiệu trưởng | Trường TH Trà Nham | 15a.204 | GV TH chính | CĐ | | | A | A | X | | |
| 737 | Nguyễn Thái Dũng | 14/2/1961 | | Hiệu trưởng | Trường TH Trà Thanh | 15.114 | GV Tiểu học | TC | | | A | | X | | |
| 738 | Võ Phúc Huy | 8/10/1974 | | Hiệu trưởng | Trường TH Trà Quân | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | A | B | X | | |
| 739 | Phan Văn Việt | 6/2/1956 | | Hiệu trưởng | T.THCS Trương Ngọc Khang | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | | X | | |

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Đơn vị đang làm việc | Ngạch công chức | | Trình độ đào tạo | | | | | Đảng viên | Dân tộc thiểu số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | Mã số ngạch | Tên ngạch | Trình độ chuyên môn | Trình độ Quản lý nhà nước | Trình độ Lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ | | | |
| 740 | Trương Quang Thọ | 5/8/1969 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Trà Thọ | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | A | CĐ | X | | |
| 741 | Phan Tấn Thanh | 3/2/1980 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Trà Nham | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | A | A | X | | |
| 742 | Đặng Thị Nhung | | 17/7/1979 | Hiệu trưởng | Trường THCS Trà Thanh | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | B | X | | |
| 743 | Trần Khánh Dưỡng | 25/5/1981 | | Hiệu trưởng | Trường THCS Trà Quân | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | A | A | X | | |
| 744 | Lê Minh Cảnh | 20/5/1974 | | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Trà Xinh | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | A | A | X | | |
| 745 | Nguyễn Trà | 9/6/1981 | | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Trà Trung | 15a.201 | GV THCS chính | Thạc sĩ | | | A | C | X | | |
| 746 | Lê Văn Tư | 24/4/1967 | | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Trà Lãnh | 15a.203 | GV TH cao cấp | ĐH | | | A | A | X | | |
| 747 | Nguyễn Trí Dũng | 23/9/1969 | | Hiệu trưởng | Trường TH&THCS Trà Khê | 15a.201 | GV THCS chính | ĐH | | | A | | X | | |
| 748 | Vũ Tiến Lâm | 6/7/1982 | | Hiệu trưởng | T.TH&THCS số 2 Trà Phong | 15a.202 | GV THCS | CĐ | | | A | A | X | | |
| 749 | Từ Kim Đồng | 28/12/1957 | | Giám đốc | BQL Rừng phòng hộ | 13.095 | Kỹ sư | ĐH | | | A | C | X | | |
| 750 | Đặng Bá Liên | 20/12/1978 | | Giám đốc | Trung tâm Phát triển quỹ đất | 01.003 | Chuyên viên | ĐH | CV | Sơ cấp | A | A | X | | |

**Danh sách này có 750 người**